

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÙI VĂN KHIẾT (Tổng Chủ biên)
CAO VĂN GIÁP – VŨ THỊ HỒNG NGA – NGÔ HÀ VŨ (Đồng Chủ biên)
NGUYỄN ĐÌNH PHÚ – LÊ THỊ HẠNH – NGUYỄN THỊ THUYẾT NGA
NGUYỄN THUYẾT DƯƠNG – HOÀNG THỊ MINH – LÊ THỊ PHƯƠNG LAN
NGUYỄN VĂN NHƯỢNG – NGUYỄN THỊ THUYẾT HƯƠNG – DƯƠNG THỊ PHƯƠNG
ĐOÀN THANH HUYỀN – TRỊNH ANH TUẤN – NGUYỄN THỊ TUYẾT THANH
VŨ THỊ THU – NGUYỄN THỊ TAM – NGUYỄN THỊ THUYẾT VÂN – PHAN THỊ THANH HOA
TRẦN THỊ NHUNG – VŨ THỊ THU HẰNG – TRẦN THỊ GIANG – BÙI THỊ DUYỆT PHAN NGUYỄN
LÊ THỊ PHƯƠNG – PHẠM VĂN TƯỜNG – VŨ NGỌC HẠNH – PHẠM HỒNG MINH
VŨ THỊ MỸ HẠNH – TRƯƠNG VĂN NHƯỜNG

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
Tỉnh **NINH BÌNH**



BẢN MẪU

LỜI NÓI ĐẦU

Ninh Bình là vùng đất địa linh nhân kiệt, là nơi hội tụ những giá trị di sản đặc sắc của lịch sử, văn hoá cùng tiềm năng phát triển kinh tế to lớn, mang một diện mạo riêng vừa cổ kính, sâu lắng vừa hiện đại, giàu sức sống và bản sắc. Cuốn *Tài liệu Giáo dục địa phương Ninh Bình lớp 8* được biên soạn nhằm giúp học sinh tiếp cận có hệ thống những giá trị tiêu biểu về truyền thống lịch sử, văn hoá, kinh tế, chính trị của quê hương Ninh Bình.

Tài liệu Giáo dục địa phương Ninh Bình lớp 8 gồm 07 chủ đề, mỗi chủ đề nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết cơ bản về một trong những nội dung văn hoá, lịch sử truyền thống, địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, chính trị – xã hội, môi trường của tỉnh Ninh Bình. Thông qua đó, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, đất nước, tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần bảo tồn những giá trị văn hoá của địa phương; phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức (tự nhiên, văn hoá, xã hội) vào thực tiễn, ứng xử với tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường tại địa phương; góp phần xây dựng văn hoá, kinh tế – xã hội Ninh Bình ngày càng phát triển.

Hi vọng rằng, cuốn *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình* sẽ trở thành cầu nối tri thức giúp các em học sinh hiểu, trân trọng, tự hào đồng thời có ý thức giữ gìn, lan toả những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của quê hương Ninh Bình trong đời sống hôm nay và mai sau.

BAN BIÊN SOẠN

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
Chủ đề 1. NINH BÌNH TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	5
Chủ đề 2. DÂN CƯ TỈNH NINH BÌNH	18
Bài 1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư tỉnh Ninh Bình	18
Bài 2. Lao động, việc làm và chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Ninh Bình.....	26
Chủ đề 3. VĂN HỌC TRUNG ĐẠI NINH BÌNH.....	34
Chủ đề 4. ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN QUÊ HƯƠNG NINH BÌNH	44
Chủ đề 5. NGHỆ THUẬT HÁT VĂN Ở NINH BÌNH.....	54
Chủ đề 6. LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở NINH BÌNH.....	59
Chủ đề 7. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH NINH BÌNH.....	64
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	73
DANH MỤC TỪ TRA CỨU	75
BẢN QUYỀN/NGUỒN HÌNH ẢNH	76

Chủ đề 1

NINH BÌNH TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của vùng đất Ninh Bình từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX.
- Liên hệ được các di tích, sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu được đề cập trong bài với địa danh hành chính hiện nay.
- Tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ quê hương, đất nước của nhân dân Ninh Bình từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX.

A. MỞ ĐẦU



Hình 1.1. Đền thờ Nguyễn Công Trứ (xã Quang Thiện)



Hình 1.2. Từ đường Nguyễn Khuyến (xã Bình An)



Hình 1.3. Chợ Rồng đầu thế kỉ XX (phường Nam Định)

Quan sát và chỉ ra điểm chung giữa các hình ảnh trên về lịch sử, văn hoá của vùng đất Ninh Bình. Những hình ảnh đó gợi cho em suy nghĩ gì về cuộc sống của con người Ninh Bình trong giai đoạn từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX?

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Ninh Bình từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII

1.1. Tình hình chính trị

Từ thế kỉ XVI, triều Lê bước vào thời kì khủng hoảng, suy yếu toàn diện. Năm 1527, triều Mạc được thiết lập. Đến năm 1533, triều Lê trung hưng được

dựng lên, song thực quyền dần rơi vào tay họ Trịnh. Đất nước lâm vào tình trạng phân liệt, kéo dài trong các cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn. Trong bối cảnh đó, Ninh Bình trở thành địa bàn tranh chấp chiến lược giữa các thế lực, liên tiếp vào các năm 1552, 1557, 1569 bị quân Nam triều đánh chiếm, biến vùng đất này thành một chiến trường ác liệt, đẫm máu.

Nhà Mạc sụp đổ (1592), các tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh, Nguyễn tiếp tục củng cố quyền lực ở Đàng Ngoài và Đàng Trong. Chiến tranh kéo dài khiến làng xã tiêu điều, đời sống nhân dân cực kì khốn khổ do phải đi phu, đi lính, chịu sưu cao thuế nặng, phiêu tán khắp nơi.

Đến cuối thế kỉ XVIII, phong trào Tây Sơn bùng nổ ở Đàng Trong. Dưới danh nghĩa “phù Lê, diệt Trịnh”, vào mùa hè năm 1786, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy tiến ra Đàng Ngoài, lật đổ chính quyền chúa Trịnh, trao lại danh nghĩa chính thống cho vua Lê rồi rút quân về phương Nam. Tuy nhiên, triều Lê lúc này không còn đủ năng lực điều hành đất nước, buộc quân Tây Sơn phải tiếp tục tiến ra Bắc để dẹp loạn, ổn định tình hình. Trong bối cảnh đó, vùng đất Ninh Bình thoát khỏi tình trạng chia cắt Trịnh – Nguyễn, trở thành hậu phương chiến lược quan trọng phục vụ cho chiến dịch đại phá quân Thanh.

Em có biết?

Trên đất Ninh Bình, nhà Mạc xây thành tại Bình Sơn (nay là xã Yên Mô) trấn giữ con đường thiên lí Bắc – Nam. Đến khi nhà Lê chiếm giữ Ninh Bình thì xây dựng đồn Cổ Do (Du). Đồn Cổ Do thuộc phường Yên Sơn ngày nay. Sau này, nhà Nguyễn đổi tên là Dịch Trạm Triệu.

Khu vực xã Sơn Lai, huyện Nho Quan, nhà Lê đưa một bộ phận binh sĩ về đóng ở đôi Dâu (thôn Sưa), làm đường, bắc cầu, xây dựng doanh trại, tuyển mộ binh sĩ, tích trữ lương thảo. Những tên gọi “vườn Cung”, “cửa Vua”, “đường nhà Lê” từ đôi Dâu đi xã Gia Viễn có từ thời đó.

(Theo: Tỉnh uỷ Ninh Bình – Viện Khoa học xã hội Việt Nam, *Địa chí Ninh Bình*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.362)

Trình bày những nét chính về tình hình chính trị của Ninh Bình từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII.

1.2. Tình hình kinh tế

a. Nông nghiệp

Do chiến tranh kéo dài, hệ thống đê điều không được tu sửa, cùng với tác động nặng nề của thiên tai dẫn tới tình trạng lũ lụt và hạn hán xảy ra thường xuyên khiến sản xuất nông nghiệp lâm vào cảnh đình đốn, trì trệ. Tầng lớp địa chủ và cường hào lợi dụng tình hình rối ren để chiếm đoạt ruộng công, dẫn đến

tình trạng ruộng tư hữu ngày càng nhiều. Do đó, tình trạng tá điền gia tăng, nhiều nông dân mất đất phải đi làm thuê hoặc phiêu tán khắp nơi.

Em có biết?

Tháng 4 năm 1548, các phủ Lý Nhân, Trường Yên mưa đá đổ xuống sầm sập, có hạt mưa to bằng hòn đạn, có hạt mưa to bằng quả trứng gà,... làm hư hại lúa mạ ngoài đồng, cây cối trong vườn, người và súc vật bị thương rất nhiều. Tháng 7 năm 1574, mưa bão dữ dội, cây cối bốc rễ, lúa ngã rạp, nhà đổ, thuyền đắm, người chết rất nhiều.

(Theo: Lê Quý Đôn toàn tập. tập 3. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội. tr.239)

Nhờ việc ban hành “Chiếu khuyến nông” (thời Tây Sơn), sản xuất nông nghiệp dần được khôi phục. Nhân dân đã hợp sức đào, mở rộng sông nhằm dẫn nước phục vụ tưới tiêu, cải thiện điều kiện canh tác. Phong trào khẩn hoang vùng ven biển được đẩy mạnh, hình thành các vùng chuyên canh lúa có năng suất cao, góp phần ổn định đời sống.

b. Thủ công nghiệp

Các nghề thủ công truyền thống được duy trì, mở rộng quy mô và hình thành nên các làng nghề chuyên biệt. Các nghề thủ công phổ biến như dệt vải lụa, làm mộc, rèn sắt, đúc đồng, đóng thuyền, làm muối,... Với các làng nghề tiêu biểu: làng dệt chiếu ở Khánh Thiện (xã Khánh Thiện); dệt lụa Nha Xá (phường Duy Tân); làng mộc ở La Xuyên (xã Vũ Dương),... Nhiều sản phẩm đồ gỗ tinh xảo hiện vẫn còn được bảo tồn trong các đình, chùa cổ. Làng rèn Vân Chàng (xã Nam Trực), nơi thờ 6 vị tổ nghề rèn vẫn còn lưu giữ những hiện vật lịch sử như ống bễ gỗ, nòng súng lệnh,...



**Hình 1.4. Đình làng Vân Chàng
(xã Nam Trực)**



**Hình 1.5. Dệt lụa ở Nha Xá
(phường Duy Tân)**

Tuy phần lớn nền sản xuất vẫn dừng lại ở quy mô hộ gia đình, tận dụng thời gian nông nhàn, nhưng kỹ thuật đã đạt đến trình độ cao trong dệt vải, làm mộc, rèn sắt, đúc đồng,...

c. Thương nghiệp

Thương nghiệp có bước phát triển mạnh mẽ với hệ thống chợ dày đặc và sự xuất hiện của các đô thị sầm uất. Hệ thống chợ phát triển mạnh mẽ: chợ Bầu (phường Phủ Lý); chợ Dâu (phường Tiên Sơn); chợ Đa Giá, chợ Cam Giá (phường Hoa Lư); chợ Ninh Cường (xã Trúc Ninh);... Hàng hoá giao thương chủ yếu là nông sản, gia súc, lâm sản và các mặt hàng thủ công như tơ lụa, đồ gỗ, đồ đan,... Trên địa bàn Ninh Bình cũng hình thành một số làng buôn có tiếng ở đồng bằng Bắc Bộ, phần lớn cư dân trong làng chuyên làm nghề buôn bán, trong đó có quy mô lớn nhất là làng Báo Đáp (phường Hồng Quang).

Trung tâm buôn bán nổi tiếng và sầm uất nhất ở Ninh Bình trong các thế kỉ XVI – XVIII là đô thị Vị Hoàng. Đây là đầu mối buôn bán, giao lưu quan trọng nối liền khu vực ven biển với trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, có chợ Vị Hoàng và kết cấu trong thành – ngoài thị với những dãy phố chuyên kinh doanh một mặt hàng nhất định. Trong các thế kỉ XVII, XVIII, Vị Hoàng cũng là nơi thu hút đông đảo người Hoa sang sinh sống, lập nghiệp.

1. Em hãy cho biết bức tranh kinh tế Ninh Bình thời kì này hiện lên như thế nào qua các mặt: nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp?
2. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp, mở rộng các làng nghề và hình thành đô thị sầm uất như Vị Hoàng đã cho thấy sự chăm chỉ, sáng tạo và tinh thần vượt khó của người dân Ninh Bình như thế nào?

1.3. Tình hình văn hoá

a. Khoa cử giáo dục

Trong các thế kỉ XVI – XVIII, mặc dù có những biến động mạnh mẽ về chính trị nhưng truyền thống hiếu học của Ninh Bình vẫn được duy trì bền bỉ và ổn định. Vùng đất Ninh Bình có nhiều người đỗ đạt, không ít người giữ những trọng trách quan trọng trong các triều Lê, Mạc, Trịnh như: Hoàng Trọng Cung, Ninh Tôn (xã Yên Mạc), Nguyễn Mạo (phường Phù Vân), Trần Bích Hoàn (phường Đông Văn), Nguyễn Quốc Hiệu (phường Hà Nam),...

Em có biết?

Nguyễn Quốc Hiệu (1696 – 1722)

Năm 1736, ông đỗ Thám hoa kì thi Đình, năm đó chỉ lấy Trạng nguyên và Thám hoa, khuyết Bảng nhãn. Ông được bổ nhiệm giữ chức Thị hình Hiến sát sứ trấn Sơn Tây, Hàn lâm thị tước Đông cá hiệu thư, tước Ôn thụ hầu.

(Theo: Văn hiến Hà Nam truyền thống và hiện đại, NXB Dân trí, Hà Nội, tr.275)

b. Tín ngưỡng, tôn giáo

Thời kì này chứng kiến sự chuyển biến sâu sắc trong đời sống tâm linh của người dân, thể hiện qua sự dịch chuyển từ vị thế độc tôn của Nho giáo sang sự đa dạng hoá các tôn giáo và tín ngưỡng. Về Nho giáo, mặc dù có những dấu hiệu suy giảm, song tư tưởng này vẫn giữ vai trò chủ đạo, là nền tảng tư tưởng của chế độ quân chủ, đồng thời chi phối mạnh mẽ các lĩnh vực văn hoá và xã hội. Phật giáo và Đạo giáo trải qua giai đoạn phát triển mạnh mẽ trở lại sau thời kì Lê sơ, với nhiều công trình tôn giáo được xây dựng mới hoặc trùng tu, điển hình như chùa Bích Động, chùa Đại Bi, chùa Keo Hành Thiện,... cùng hệ thống chùa chiền phân bố rộng khắp các làng xã ở Ninh Bình. Công giáo xuất hiện như một hiện tượng tôn giáo mới nổi bật, bắt đầu từ đầu thế kỉ XVI tại vùng cửa biển Thần Phù (nay là giáo xứ Hảo Nho (xã Yên Mạc)) và mở rộng tới xứ đạo Bút Đông (phường Duy Tân) vào thế kỉ XVII, qua đó hình thành các trung tâm truyền đạo quan trọng trong khu vực.



Hình 1.6. Đền Quán Cháo
(phường Tam Điệp)



Hình 1.7. Đình Vị Hạ
(xã Bình An)

Tín ngưỡng dân gian tiếp tục được duy trì qua các phong tục thờ cúng tổ tiên và người có công, đồng thời phát triển mạnh mẽ các hình thức thờ Thành hoàng và thờ Mẫu, góp phần làm phong phú đời sống tín ngưỡng truyền thống của người dân.

c. Nghệ thuật

Những thành tựu nghệ thuật của giai đoạn này gắn bó mật thiết với các công trình tôn giáo và thờ tự. Về kiến trúc, các công trình đình, chùa mang phong cách mái cong uyển chuyển, đặc trưng của thời Mạc và Lê, đạt đến trình độ tinh xảo.

Em có biết?



Hình 1.8. Nhà thờ Ninh Tồn
(xã Yên Mạc)

Nhà thờ Ninh Tồn là nơi thờ cúng và tưởng niệm danh nhân Ninh Tồn – một nhà văn, nhà thơ, nhà chính trị và quân sự,... thời Lê trung hưng và Tây Sơn. Nhà thờ Ninh Tồn đã được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia năm 1996.

Hiện vật được lưu giữ bao gồm hàng trăm bia đá, khánh đá, chuông đồng, sách đồng có giá trị lịch sử và nghệ thuật cao.



**Hình 1.9. Lễ hội Phủ Dầy
(xã Vụ Bản)**



**Hình 1.10. Khánh đá được tạo tác năm 1692
ở chùa Diêu (xã Bình Giang)**

Đời sống tinh thần của nhân dân được thể hiện phong phú qua các hình thức nghệ thuật và hoạt động cộng đồng. Văn hoá dân gian phát triển mạnh mẽ với các làn điệu dân ca truyền thống như hát chầu văn, ca trù,... Các lễ hội được tổ chức định kì, kèm theo các hoạt động giải trí dân gian như hát chèo, tuồng, đua thuyền và võ vật.

1. *Nêu những biểu hiện cụ thể cho thấy truyền thống hiếu học ở Ninh Bình vẫn phát triển dù xã hội có nhiều biến động trong các thế kỉ XVI – XVIII.*
2. *Em hãy lập bảng thống kê các tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội tiêu biểu tại Ninh Bình thời kì này.*

1.4. Phong trào đấu tranh tiêu biểu

Dưới tác động của cuộc xung đột Nam – Bắc triều và xung đột Trịnh – Nguyễn, tại Ninh Bình đã xuất hiện một số phong trào đấu tranh tiêu biểu.

Khởi nghĩa do Phạm Hàng (xã Nghĩa Hưng) lãnh đạo năm 1596: Tháng 11 năm 1596, Phạm Hàng “nổi loạn” ở vùng Sơn Nam, sau đó đưa lực lượng chiếm núi Đạm Khê (phường Nam Hoa Lư) làm căn cứ địa. Chỉ trong hơn một tháng hoạt động, nghĩa quân đã thu hút được hàng vạn người tham gia. Sự lớn mạnh nhanh chóng của phong trào khiến triều đình hoảng sợ, phải cử lực lượng quân lớn mới đàn áp được cuộc khởi nghĩa.

Phong trào Tây Sơn và phòng tuyến Tam Điệp (1788 – 1789): Cuối năm 1788, khi 29 vạn quân Thanh sang xâm lược, nghĩa quân Tây Sơn tạm rút khỏi Thăng Long, lui về xây dựng phòng tuyến tại Tam Điệp (Ninh Bình) và Biên Sơn (Thanh Hoá). Dãy Tam Điệp, bức tường thành thiên nhiên ngăn cách Ninh Bình và Thanh Hoá, án ngữ tuyến giao thông huyết mạch Bắc – Nam, trở thành địa bàn chiến lược quan trọng trong giai đoạn rút lui và chuẩn bị phản công của Tây Sơn.



Hình 1.11. Hệ thống núi đá ở Tam Điệp

Phòng tuyến Tam Điệp được xây dựng gấp rút với sự tham gia tích cực của nhân dân địa phương. Nghĩa quân Tây Sơn cùng cư dân Ninh Bình không chỉ đắp lũy, dựng đồn mà còn chuẩn bị hậu cần, vận chuyển lương thực, vũ khí, hình thành một căn cứ vững chắc. Hưởng ứng cuộc hành quân thần tốc dịp Tết Kỷ Dậu (1789), nhân dân đã huy động hàng trăm thuyền chở quân Tây Sơn vượt sông Hoàng Long, tiến công tiêu diệt cụm đồn Gián Khâu, góp phần tạo điều kiện để đại quân Quang Trung tiến ra Thăng Long, đại phá quân Thanh.

Từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII, vùng đất Ninh Bình đã trở thành không gian diễn ra nhiều phong trào đấu tranh tiêu biểu, từ khởi nghĩa nông dân đến phong trào Tây Sơn, qua đó khẳng định vai trò quan trọng của nhân dân địa phương trong lịch sử đấu tranh chống áp bức và bảo vệ Tổ quốc.

1. Trình bày nguyên nhân bùng nổ, địa bàn hoạt động và kết cục của cuộc khởi nghĩa do Phạm Hàng lãnh đạo năm 1596 ở Ninh Bình.
2. Dựa vào hình 1.11 và thông tin trong bài, em hãy giải thích vì sao phòng tuyến Tam Điệp lại có vị trí quân sự quan trọng đối với nghĩa quân Tây Sơn?
3. Nhân dân Ninh Bình đã có những hành động cụ thể nào để cổ vũ và giúp đỡ nghĩa quân Tây Sơn đại phá quân Thanh vào năm 1789?

2. Ninh Bình từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

2.1. Tình hình chính trị

Đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn thành lập, chia lại các đơn vị hành chính. Thời vua Gia Long, cả nước được chia thành 23 trấn và 4 dinh. Trong các thế kỉ XIX – XX, tỉnh Ninh Bình đã nhiều lần chia tách, sáp nhập.

Trong thời kì này, hình thức khẩn hoang ruộng đất được khuyến khích thực hiện. Nhiều làng mới được thành lập tại các vùng ven biển Ninh Bình. Năm 1828, Nguyễn Công Trứ được cử làm Doanh điền sứ. Ông đã

Em có biết?

Nguyễn Công Trứ (1778 – 1858), quê ở xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông xuất thân trong gia đình Nho học, có tư chất thông minh, giỏi thơ phú. Năm 42 tuổi, ông đỗ đầu kì thi Hương rồi ra làm quan và trải qua nhiều chức vụ khác nhau. Một trong những đóng góp lớn của Nguyễn Công Trứ là đã tổ chức khẩn hoang, lập nên 2 vùng đất mới là huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (nay là xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên) và huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình).

cho khai khẩn, lấn biển, chiêu mộ dân lập ấp để khẩn hoang, lập ra huyện Kim Sơn vào năm 1829 (nay là xã Kim Sơn) với 7 tổng và khoảng 60 ấp, giáp, trại,...

Hệ thống chính quyền từ tỉnh, phủ, huyện đến tổng, xã, thôn ít quan tâm đến việc nước, việc dân. Quan lại thường xuyên nhũng nhiễu, ức hiếp dân lành. Thiên tai liên tiếp xảy ra, khiến cho đời sống của nhân dân ngày càng khổ cực.

Năm 1897, sau khi hoàn thành công cuộc bình định, thực dân Pháp bắt đầu thiết lập bộ máy cai trị để thực hiện chương trình khai thác thuộc địa. Thực dân Pháp vẫn duy trì bộ máy cai trị phong kiến từ tỉnh đến làng xã. Ở cấp tỉnh, chính quyền Pháp đặt thêm cơ quan đô hộ do người Pháp nắm giữ.

1. Khái quát tình hình chính trị của Ninh Bình từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
2. Trình bày nét chính về quá trình khẩn hoang thành lập huyện Kim Sơn (nay là xã Kim Sơn). Từ đó hãy chỉ ra vai trò của Nguyễn Công Trứ đối với việc thành lập vùng đất này.

2.2. Tình hình kinh tế

a. Nông nghiệp

Đầu thế kỉ XIX, diện tích ruộng đất Ninh Bình được mở rộng. Nhiều ấp, giáp, trại được thành lập như ấp Thủ Trung, ấp Như Tân, ấp Hướng Đạo thuộc xã Kim Sơn.

Nông dân là lực lượng chính trong sản xuất nông nghiệp, nhưng bị quan lại, địa chủ, cường hào tước đoạt hết ruộng đất dẫn đến sản xuất nông nghiệp ngày càng trì trệ, đình đốn nghiêm trọng.

Nhà Nguyễn chú trọng việc khai hoang nhưng lại không quan tâm công tác trị thủy nên nạn hạn hán, lụt lội liên tiếp xảy ra ở nhiều nơi.

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, kinh tế Ninh Bình có sự chuyển biến. Thực dân Pháp đẩy mạnh cướp đất lập đồn điền. Hầu hết các đồn điền đều sử dụng lao động theo hình thức làm công ăn lương và trồng các loại cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc với quy mô lớn như trâu, bò, dê, cừu. Bên cạnh đó, giai cấp địa chủ cường hào cũng tăng cường lấn chiếm ruộng đất khiến cho nông dân mất ruộng đất, phải đi phiêu tán ngày càng nhiều.

Em có biết?

Sách **Đại Nam thực lục** ghi rằng, thời Tự Đức có 18 lần vỡ đê lớn ở đồng bằng Bắc Bộ. Các vùng Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình nhiều năm mất mùa, già trẻ, trai gái dắt díu nhau đi ăn xin đầy đường.

b. Thủ công nghiệp

Thời Nguyễn, các ngành thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống có từ các giai đoạn trước tiếp tục phát triển. Có nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng như làng nghề dệt cói (xã Kim Sơn), chạm khắc đá (phường Nam Hoa Lư), thêu ren Vân Lâm (phường Nam Hoa Lư), rèn Vân Chàng (xã Nam Trục), chạm gỗ (xã Ý Yên), dệt Vân Cát (xã Kim Thái),...



Hình 1.12. Cổng làng đá mỹ nghệ Ninh Vân (phường Nam Hoa Lư)



Hình 1.13. Chạm khắc gỗ La Xuyên (xã Trung Nghĩa)

Để khai thác nguồn tài nguyên của Ninh Bình, ngành công nghiệp khai khoáng được thực dân Pháp chú ý. Chính quyền thực dân mở xưởng đá Hệ Dưỡng và khai thác than ở Đầm Đùn, Đồng Giao. Những ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như dệt, gốm, sứ, nung gạch ngói,... cũng có bước phát triển.

c. Thương nghiệp

Thời kì này, hệ thống chợ tiếp tục được mở rộng. Hầu như các làng, xã lớn đều có chợ họp theo phiên như chợ Vân Sàng (phường Hoa Lư), chợ Rồng (phường Nam Định),... Sản phẩm giao lưu chủ yếu là các loại nông sản, lương thực, thực phẩm, công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt của nhân dân.

Nêu tình hình kinh tế Ninh Bình từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Liên hệ với những nghề truyền thống ở địa phương em.

2.3. Tình hình xã hội, văn hoá

a. Xã hội

Thời Nguyễn, tình hình xã hội ở Ninh Bình không ổn định. Nhiều cuộc nổi dậy chống triều đình diễn ra liên tục, rộng khắp. Năm 1808, Quách Tất Thúc ở Gián Khâu mang 3 000 quân vây phủ Thiên Quan, hào mục hai phủ Thiên Trường và Nghĩa Hưng sôi nổi hưởng ứng phong trào do Xiển Văn cầm đầu. Năm 1833, một cuộc nổi dậy lớn ở vùng miền núi do Quách Tất Công chỉ huy đã vây đánh phủ Thiên Quan. Ngoài ra còn có các cuộc khởi nghĩa khác của Vũ Đình Lục, Đặng Trần Siêu, Nguyễn Thế Chung, Phan Bá Vành,...

Dưới tác động của quá trình khai thác thuộc địa, tình hình xã hội Việt Nam nói chung và xã hội Ninh Bình nói riêng đã có những biến chuyển sâu sắc. Địa chủ ngày một giàu lên, một bộ phận là chỗ dựa vững chắc cho Pháp, một số khác thể hiện tinh thần yêu nước chống Pháp. Nông dân vẫn chiếm đa số trong xã hội, cuộc sống nghèo khổ, bị bóc lột cùng cực, nhiều người phải bỏ làng quê ra thành thị kiếm sống hoặc làm công nhân. Tầng lớp tư sản xuất hiện sớm nhưng số lượng ít, tiềm lực kinh tế yếu. Tầng lớp tiểu tư sản gồm thị dân, thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh,... có đời sống bấp bênh. Công nhân số lượng ngày càng tăng, họ sớm nhận rõ kẻ thù dân tộc và có ý thức giác ngộ giai cấp.

b. Văn hoá

Mặc dù điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn nhưng đời sống văn hoá, giáo dục ở Ninh Bình vẫn có bước phát triển.

Văn học xuất hiện nhiều tác giả, tác phẩm nổi tiếng như: Trần Huy Liệu với tác phẩm *Nam lộ chí Sơn Thủy tự ngộ Giao Cù Vũ Hữu Lợi công*; Phạm Văn Nghị với tác phẩm *Tri Lý Nhân phủ nhân hành đê ngẫu thuật Thanh Liêm huyện sự trạng*; đặc biệt là Nguyễn Khuyến với nhiều tác phẩm như *Thu vịnh*, *Thu điếu*, *Thu ẩm*, *Bạn đến chơi nhà*,...

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc cũng có bước phát triển đáng kể, nổi bật nhất là điêu khắc trên đá với những công trình nổi tiếng như bia Sùng Khánh ở chùa Đồng Vũ (xã Bắc Lý); tháp chuông chùa Khánh Long, đình đá thôn Dưỡng Mông (xã Tiên Sơn),...

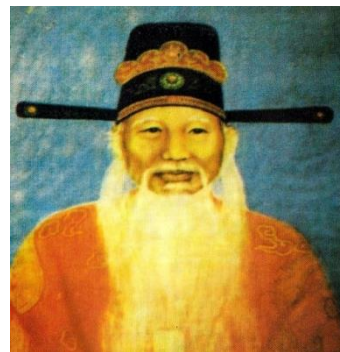
Giáo dục khoa cử Ninh Bình có bước phát triển mới. Hệ thống trường học tư được mở rộng hơn ở các làng xã. Nhiều nhà khoa bảng tài năng đã xuất hiện, sau này trở thành những danh nhân nổi tiếng của Ninh Bình như: Vũ Duy Thanh, Vũ Phạm Khải, Phạm Thận Duật, Nguyễn Tử Mẫn, Bạch Đông Ôn, Vũ Văn Lý, Trần Huy Côn,...



Hình 1.14. Bia Sùng Khánh ở chùa Đồng Vũ (xã Bắc Lý)

Em có biết?

Vũ Phạm Khải (1807 – 1872) là danh nhân văn hoá, nhà sử học và nhà thơ yêu nước. Ông sinh tại làng Thiên Trì, huyện Yên Mô (nay là thôn Phượng Trì, xã Yên Mạc, tỉnh Ninh Bình). Dưới triều Nguyễn ông nổi tiếng là vị quan cương trực, liêm khiết và là một trong những người đứng đầu phái “chủ chiến” chống thực dân Pháp. Với tài năng văn chương xuất sắc và tinh thần trách nhiệm cao cả ông đã để lại những đóng góp quan trọng cho nền sử học nước nhà. Cuộc đời “vì nước vì dân” của ông là niềm tự hào, tấm gương sáng cho các thế hệ hậu sinh trên mảnh đất Cố đô.



Hình 1.15. Chân dung Vũ Phạm Khải (1807 – 1872)

1. Trình bày những chuyển biến về mặt xã hội ở Ninh Bình dưới tác động của quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp (các giai cấp, tầng lớp và đời sống của họ).
2. Nêu những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục và nghệ thuật ở Ninh Bình thời Nguyễn (kể tên một số tác giả, tác phẩm, công trình kiến trúc – điêu khắc, nhà khoa bảng).

2.4. Phong trào đấu tranh tiêu biểu

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, nhân dân Ninh Bình cùng với nhân dân cả nước đứng lên đấu tranh chống Pháp.

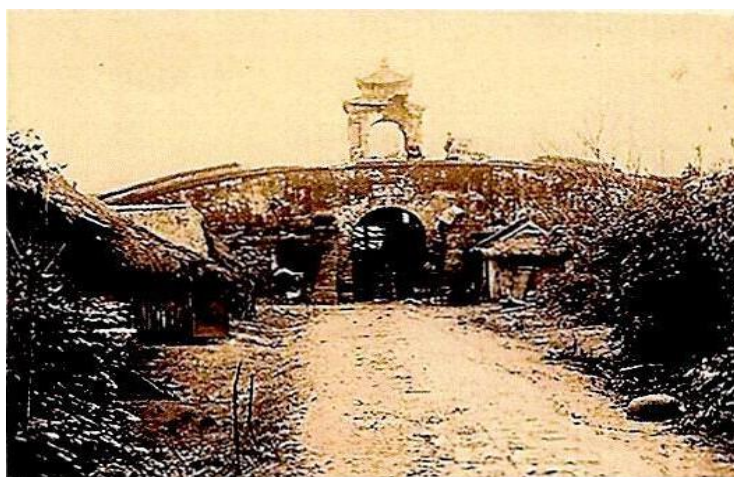
Mở đầu là phong trào Nam tiến do Đốc học Phạm Văn Nghị khởi xướng (1860). Đội nghĩa binh của Phạm Văn Nghị gồm văn thân, sĩ phu, học trò, nông dân ở Ninh Bình. Khi đoàn nghĩa binh vào đến Huế, tình hình chiến sự thay đổi, quân Pháp đã rút khỏi Đà Nẵng để tấn công Gia Định. Phạm Văn Nghị tiếp tục xin triều đình vào Nam đánh giặc nhưng không được chấp thuận. Tuy vậy, những hành động của nghĩa quân đã biểu thị cho lòng yêu nước, tinh thần chống Pháp của nhân dân Ninh Bình.

Ở Bắc Kì, phong trào thu hút được một số quan lại trong triều đình và đông đảo văn thân, sĩ phu yêu nước như Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Đức Ngữ ở Lào Cai, Phú Thọ, Nguyễn Tử Trương ở Ninh Bình,...

Phong trào đấu tranh phản đối triều đình hoà nghị với Pháp ở Ninh Bình cũng diễn ra mạnh mẽ dưới sự lãnh đạo của Doãn Khuê.

Năm 1873, Pháp đánh Ninh Bình lần thứ nhất và chiếm thành Nam Định. Quân dân Ninh Bình đã anh dũng đứng lên chống Pháp dưới sự chỉ huy của Trần Vĩnh Cát, Ngô Lý Diện, Đặng Duy Trinh nhưng thất bại.

Năm 1883, Pháp đánh Ninh Bình lần thứ hai, cuộc chiến đấu của nhân dân Ninh Bình diễn ra quyết liệt, mạnh mẽ. Đinh Công Tráng phối hợp với nghĩa quân của Hoàng Văn Tuấn đột kích giặc ở Phủ Lý. Lê Văn Điem và Hồ Bá Ôn trực tiếp chỉ huy quân đội triều đình phối hợp với dân binh gần 300 người của Nguyễn Hữu Bản chiến đấu giữ thành Nam Định, nhưng do tương quan lực lượng chênh lệch nên thành Nam Định bị Pháp chiếm lần thứ hai.



Hình 1.16. Cổng thành Nam Định năm 1884

Năm 1885, hưởng ứng phong trào Cần vương, các văn thân, sĩ phu yêu nước và nhân dân Ninh Bình hăng hái tham gia phong trào “phò vua giúp nước”, tiêu biểu là cuộc chiến đấu do Đề Yêm, Phạm Nhân Lý, Tạ Hiện, Phạm Trung Thứ, Đặng Văn Hải chỉ huy. Cuộc chiến đấu gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề nhưng cuối cùng bị thất bại.

Căn cứ kháng chiến của cuộc khởi nghĩa do Phạm Trung Thứ lãnh đạo được đặt tại làng Thượng Đồng (xã Ý Yên 4, tỉnh Ninh Bình).

Phạm Trung Thứ đã chiêu mộ nghĩa quân, tích trữ lương thực, sắm sửa vũ khí, tổ chức đội ngũ chiến đấu. Tháng 12-1889, nghĩa quân đánh trận mở đầu vào Phong Doanh, bắt được tri huyện đem về đình làng Thượng Đồng xử tử.

Em có biết?

Phạm Trung Thứ sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Thượng Đồng (xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình). Ông từng tham gia nghĩa quân Bãi Sậy do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo.

Ngày 10-12-1889, nghĩa quân tiến công làng Thượng Đòng. Sau đó quân Pháp liên tục đánh phá vào căn cứ của nghĩa quân. Phạm Trung Thứ phải phân tán lực lượng về các địa phương. Làng Thượng Đòng cũng bị Pháp triệt hạ.

Sau thất bại của phong trào Cần vương, các nhà yêu nước Việt Nam tìm con đường cứu nước mới. Đó là phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh,... Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Ninh Bình đã hăng hái tham gia, hưởng ứng tích cực các phong trào đó và bước vào thời kì đấu tranh với những hình thức mới.

- 1. Khái quát về phong trào đấu tranh của nhân dân Ninh Bình trong các thế kỉ XIX – XX.*
- 2. Vì sao nói phong trào Cần vương ở Ninh Bình đã thể hiện rõ tinh thần yêu nước của văn thân, sĩ phu và nhân dân địa phương? Hãy lấy ví dụ từ cuộc khởi nghĩa do Phạm Trung Thứ lãnh đạo.*

C. LUYỆN TẬP

1. Lập sơ đồ tư duy trình bày những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của Ninh Bình từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
2. Kể tên các phong trào đấu tranh tiêu biểu của nhân dân Ninh Bình từ thế kỉ XIX đến thế kỉ XX.

D. VẬN DỤNG

1. Suu tầm tranh ảnh, tư liệu về một nhà khoa bảng/Danh nhân văn hoá tiêu biểu ở Ninh Bình và trình bày dưới dạng tập san hoặc infographic.
2. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 300 từ) về một di tích lịch sử – văn hoá ở Ninh Bình gắn với thời Tây Sơn.

Chủ đề 2

DÂN CƯ TỈNH NINH BÌNH

Bài 1. ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ TỈNH NINH BÌNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm dân cư của tỉnh Ninh Bình.
- Nêu được ảnh hưởng của đặc điểm dân cư đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.
- Phân tích được bản đồ, bảng số liệu về dân cư của tỉnh.

A. MỞ ĐẦU

Dân số là một nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Ninh Bình. Đặc điểm dân số của tỉnh thể hiện rõ truyền thống cư trú lâu đời của vùng Đồng bằng sông Hồng, đồng thời phản ánh những biến đổi mới trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội hiện nay.

1. Nêu đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở tỉnh Ninh Bình.
2. Các đặc điểm dân số và phân bố dân cư ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình?



Hình 2.1. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức dân số cho học sinh Trường THPT Dân tộc Nội trú Ninh Bình

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Dân số và gia tăng dân số

Năm 2025, số dân Ninh Bình là khoảng 3 843,8 nghìn người, đứng thứ 3 ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sau TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng) và đứng thứ 6 trong cả nước.

Bảng 2.1. Dân số và diện tích của các tỉnh/ thành phố ở Đồng bằng sông Hồng năm 2025

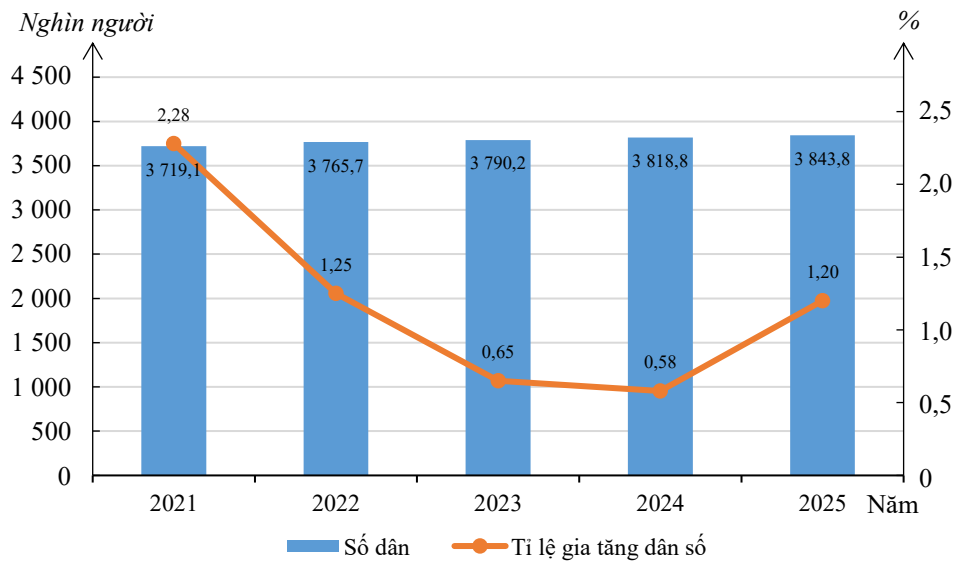
Tỉnh/thành phố	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)
Cả nước	331 338,3	101 343,8
Vùng Đồng bằng sông Hồng	23 938,5	24 016,0
TP. Hà Nội	3 359,8	8 717,6
TP. Hải Phòng	3 194,7	4 102,7
Ninh Bình	3 942,6	3 843,8
Hưng Yên	2 514,8	3 208,5
Bắc Ninh	4 718,6	3 509,2
Quảng Ninh	6 208,0	1 396,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê, năm 2024)

Dựa vào bảng 2.1, em hãy:

1. Tính tỉ lệ dân số của tỉnh Ninh Bình so với cả nước và vùng Đồng bằng sông Hồng.
2. Nêu nhận xét về số dân của tỉnh Ninh Bình so với các tỉnh/thành phố thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Giai đoạn 2021 – 2025, dân số tăng liên tục từ 3 719,1 nghìn người năm 2021 lên 3 843,8 nghìn người năm 2025 (tăng thêm 124,7 nghìn người), bình quân thời kì 2021 – 2025 mỗi năm tăng 1,12 %. Tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm mạnh từ 2,28 % năm 2021 xuống còn 0,58 % năm 2024 (giảm 1,7 %). Đến năm 2025, tỉ lệ gia tăng dân số tăng trở lại lên 1,20 %. Quy mô dân số vẫn tăng nhưng tốc độ tăng có xu hướng chậm lại.

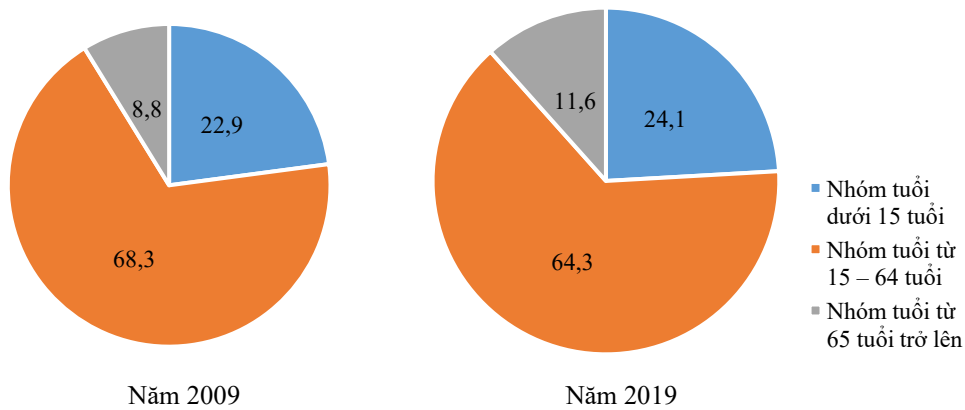


Hình 2.2. Biểu đồ dân số và sự gia tăng dân số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

Đọc thông tin và dựa vào hình 2.2, em hãy nhận xét về quy mô dân số và xu hướng biến động về dân số của tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2021 – 2025.

2. Cơ cấu dân số

2.1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi



Hình 2.3. Biểu đồ cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi tỉnh Ninh Bình năm 2009 và năm 2019 (Đơn vị: %)

Dựa vào hình 2.3 và những hiểu biết của bản thân, em hãy:

1. Nhận xét sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của tỉnh Ninh Bình năm 2009 và năm 2019.
2. Phân tích thuận lợi và khó khăn của cơ cấu dân số đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.

Dân số tỉnh Ninh Bình đang trong thời kì cơ cấu dân số vàng, xu hướng già hoá dân số chỉ mới bắt đầu xuất hiện. Đây thực sự là cơ hội để tỉnh đẩy nhanh sự phát triển kinh tế – xã hội, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề xã hội cần giải quyết.

Em có biết?

Cơ cấu dân số vàng là tỉ lệ số người trong độ tuổi lao động lớn gấp đôi tỉ lệ số người trong độ tuổi phụ thuộc. Theo kết quả nghiên cứu xã hội học, thời kì dân số vàng ở Việt Nam bắt đầu từ năm 2007 và kết thúc vào năm 2039. Tuy nhiên, nước ta đang phải đối mặt với quá trình già hoá dân số, dự kiến đến năm 2049, tỉ lệ người cao tuổi chiếm khoảng 25 % dân số.

2.2. Cơ cấu dân số theo giới

Bảng 2.2. Cơ cấu dân số theo giới tính của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025 (Đơn vị: %)

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Nữ	49,3	49,3	49,3	49,3	49,4
Nam	50,7	50,7	50,7	50,7	50,6

(Nguồn: Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

Trước đây, tỉ lệ dân số nam và dân số nữ của tỉnh Ninh Bình có sự chênh lệch tương đối lớn. Những năm gần đây, tỉ lệ này đang tiến dần tới sự cân bằng. Xét trên quy mô tổng số dân, năm 2025 tỉ số giới tính là 102,4 nam/100 nữ. Tuy nhiên, với tỉ lệ giới tính khi sinh ở mức khá cao, Ninh Bình hiện đang là tỉnh mất cân bằng giới tính khi sinh cao trên toàn quốc.

Dựa vào bảng 2.2, em hãy nhận xét đặc điểm cơ cấu dân số theo giới của tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2021 – 2025.

2.3. Cơ cấu dân số theo thành thị và nông thôn

Dân số nông thôn chiếm tỉ lệ khá cao trong cơ cấu dân số tỉnh Ninh Bình (chiếm 67,8 % năm 2025). Tốc độ đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ do việc di dân từ nông thôn đến thành thị và việc mở rộng địa giới hành chính khu vực thành thị, tỉ lệ dân thành thị tăng (chiếm 32,2 % năm 2025).

2.4. Cơ cấu dân số theo thành phần dân tộc

Cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình phần lớn là người Kinh (chiếm gần 98 % dân số của tỉnh), còn lại là các dân tộc thiểu số như người Mường, người Tày, Nùng, Thái, Hoa, Dao,...

Em có biết?

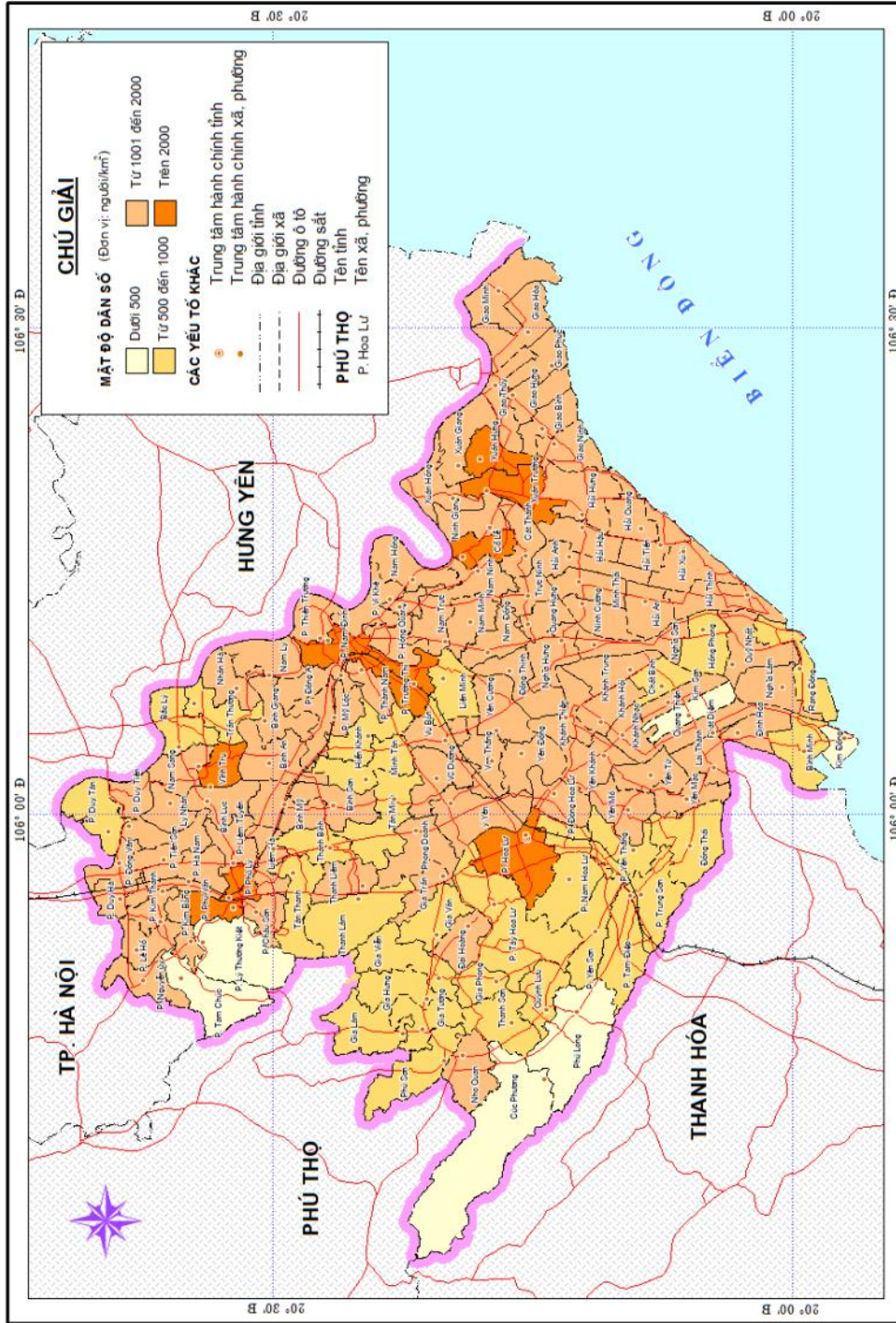
Dân tộc Mường tại Ninh Bình có số dân trên 2 vạn người, cư trú chủ yếu ở các xã miền núi Cúc Phương, Kỳ Phú, Phú Long,... Đây là cộng đồng bản địa lâu đời, đậm đà bản sắc văn hoá Việt cổ. Họ nổi tiếng với di sản Mo Mường (nghỉ lễ tang lễ), văn hoá công chiêng, hát Sắc bùa, nhà sàn,... và đang tích hợp văn hoá vào du lịch cộng đồng tại các khu vực như Động Thiên Hà,...



Hình 2.4. Hoạt động văn hoá của dân tộc Mường

3. Phân bố dân cư

Mật độ dân số của tỉnh Ninh Bình khoảng 975 người/km² (năm 2025), gấp khoảng gần 3 lần so với cả nước, là tỉnh có mật độ dân số đông hàng đầu của cả nước.



Hình 2.5. Bản đồ phân bố dân cư tỉnh Ninh Bình năm 2025

Dựa vào hình 2.5, em hãy nhận xét đặc điểm phân bố dân cư và phân tích ảnh hưởng của phân bố dân cư đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Dân cư của tỉnh Ninh Bình phân bố không đồng đều giữa thành thị và nông thôn, giữa các xã/phường. Ở khu vực đồng bằng, mật độ dân số thường cao hơn nhiều so với khu vực trung du, miền núi. Phường Nam Định có mật độ dân số cao nhất (9 480 người/km²), thấp nhất là xã Cúc Phương, mật độ dân số chỉ khoảng 65 người/km².

Sự phân bố dân cư không đều ảnh hưởng khá nhiều đến việc sử dụng hợp lý nguồn lao động và khai thác tài nguyên của tỉnh.

4. Thế mạnh và hạn chế của dân số tỉnh Ninh Bình

Bảng 2.3. Thế mạnh và hạn chế của dân số tỉnh Ninh Bình

Thế mạnh	<ul style="list-style-type: none"> – Dân số đông cung cấp nguồn lao động dồi dào cho các ngành kinh tế, nhất là công nghiệp và dịch vụ. – Người dân Ninh Bình có truyền thống chịu khó, ham học hỏi, linh hoạt và dễ thích nghi với những thay đổi của cơ chế thị trường. Trình độ học vấn của người dân ngày càng được nâng cao. – Cơ cấu dân số vàng tạo lợi thế về lực lượng lao động lớn phục vụ cho phát triển sản xuất, thu hút đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. – Phân bố dân cư khá hợp lý ở đồng bằng, thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị và các khu công nghiệp, dịch vụ – du lịch.
Hạn chế	<ul style="list-style-type: none"> – Dân số đông, gây trở ngại cho phát triển kinh tế, làm giảm chất lượng đời sống vật chất và tinh thần. – Nảy sinh các vấn đề xã hội: việc làm, giáo dục, y tế, nên việc đảm bảo an sinh xã hội cho người già trong tương lai gặp nhiều khó khăn. – Quá trình già hoá dân số bắt đầu xuất hiện, có thể làm giảm nguồn lao động trong tương lai nếu không có giải pháp phù hợp. – Phân bố dân cư chưa hợp lý, khu vực miền núi, bán sơn địa dân cư thưa thớt, gây khó khăn cho khai thác tiềm năng và phát triển kinh tế – xã hội đồng đều giữa các vùng.

Dựa vào bảng 2.3, em hãy trình bày những thế mạnh và hạn chế của dân số tỉnh Ninh Bình.

C. LUYỆN TẬP

1. Lập sơ đồ tư duy về đặc điểm dân số và phân bố dân cư tỉnh Ninh Bình.
2. Phân tích những thuận lợi và khó khăn của phân bố dân cư đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

D. VẬN DỤNG

Tìm hiểu tình hình biến động dân số ở nơi em sinh sống trong khoảng thời gian 5 – 10 năm gần đây và chỉ ra nguyên nhân dẫn tới sự biến động dân số đó.

Bài 2. LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG DÂN CƯ TỈNH NINH BÌNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động và tình hình sử dụng lao động của tỉnh Ninh Bình.
- Nêu được thực trạng vấn đề về việc làm và một số giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm của tỉnh Ninh Bình.
- Trình bày được một số vấn đề về chất lượng cuộc sống của người dân tỉnh Ninh Bình.
- Phân tích được bảng số liệu về lao động, việc làm, chất lượng cuộc sống của tỉnh Ninh Bình.

A. MỞ ĐẦU

Lao động là một trong những nguồn lực quan trọng quyết định sự phát triển của một địa phương, một đất nước. Tỉnh Ninh Bình có nguồn lao động dồi dào, chất lượng nguồn lao động ngày càng cao là điều kiện thuận lợi để tỉnh đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.



Hình 2.6. Người lao động trong Công ty Cổ phần Casla (phường Châu Sơn)

Hãy nêu một số hiểu biết của em về đặc điểm nguồn lao động, việc sử dụng lao động, vấn đề việc làm và chất lượng cuộc sống của người dân tỉnh Ninh Bình.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Lao động và sử dụng lao động

1.1. Nguồn lao động

Ninh Bình có lực lượng lao động dồi dào, quy mô ngày càng tăng. Năm 2025, số lượng lao động toàn tỉnh là 1 954,4 nghìn người, chiếm 50,8 % dân số, tăng 80,5 nghìn người (tăng khoảng 4,3 %) so với năm 2021. Đây là nguồn lực quan trọng để tỉnh phát triển kinh tế, nhất là các ngành cần nhiều lao động.

Người lao động cần cù, chịu khó, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp và các nghề thủ công truyền thống; có khả năng tiếp thu khoa học, kỹ thuật tiên tiến, vận dụng linh hoạt vào thực tế địa phương.



Hình 2.7. Sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ La Xuyên (xã Vũ Dương)



Hình 2.8. Sản xuất gốm Bồ Bát (xã Đồng Thái)

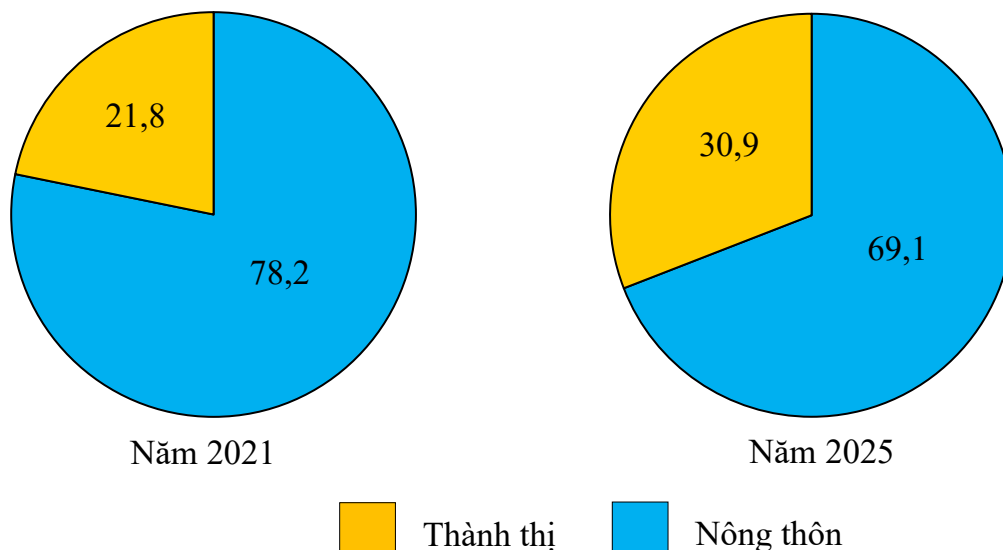
Trình độ lao động ngày càng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá – hiện đại hoá của tỉnh. Giai đoạn 2021 – 2025, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 25,1 % lên 29,3 %. Tuy nhiên, tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo còn khá cao, gây ảnh hưởng đến việc sử dụng và nâng cao năng suất lao động.

Bảng 2.4. Cơ cấu lao động đã qua đào tạo và chưa qua đào tạo của tỉnh Ninh Bình năm 2021 và năm 2025 (Đơn vị: %)

Tiêu chí	Năm	
	2021	2025
Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo (có bằng cấp, chứng chỉ)	25,1	29,3
Tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo	74,9	70,7

(Nguồn: Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025, Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

Phân bố lao động giữa khu vực thành thị và nông thôn đang thay đổi theo hướng tích cực nhằm sử dụng hợp lý và phát huy tối đa thế mạnh của nguồn lao động để phát triển kinh tế. Năm 2025, số lao động ở nông thôn là 1 350 nghìn người, chiếm khoảng 69,1 %; số lao động ở thành thị là 604,4 nghìn người, chiếm khoảng 30,9 % tổng số lao động toàn tỉnh.



Hình 2.9. Biểu đồ cơ cấu lao động phân theo khu vực thành thị, nông thôn của tỉnh Ninh Bình năm 2021 và năm 2025 (Đơn vị: %)

(Nguồn: Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025, Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

Đọc thông tin mục 1.1, bảng 2.4 và quan sát các hình 2.7 – 2.9, em hãy:

1. Trình bày đặc điểm nguồn lao động của tỉnh Ninh Bình.
2. Nhận xét, giải thích xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo khu vực thành thị, nông thôn của tỉnh Ninh Bình từ năm 2021 đến năm 2025.
3. Nêu một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh Ninh Bình.

1.2. Sử dụng lao động

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá – hiện đại hoá đã làm cho cơ cấu sử dụng lao động trong các ngành kinh tế và các thành phần kinh tế của tỉnh Ninh Bình có nhiều thay đổi phù hợp với xu hướng chung của cả nước.

Hiện nay, tỉnh Ninh Bình đang triển khai nhiều dự án trọng điểm có quy mô lớn trong ngành công nghiệp và dịch vụ sẽ thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu sử dụng lao động, phát huy tối đa thế mạnh của nguồn lao động, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế tỉnh Ninh Bình.

Bảng 2.5. Cơ cấu sử dụng lao động phân theo ngành kinh tế của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025 (Đơn vị: %)

Ngành kinh tế \ Năm	2021	2023	2025
Nông, lâm, thủy sản	16,9	18,1	16,9
Công nghiệp – xây dựng	49,0	50,2	48,3
Dịch vụ	34,1	31,7	34,8

(Nguồn: Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025, Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

Bảng 2.6. Cơ cấu sử dụng lao động phân theo thành phần kinh tế của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025 (Đơn vị: %)

Thành phần kinh tế \ Năm	2021	2023	2025
Khu vực kinh tế Nhà nước	8,4	8,3	8,2
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	80,4	80,1	79,2
Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	11,2	11,6	12,6

(Nguồn: Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025, Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

Đọc thông tin mục 1.2 và các bảng 2.5 – 2.6, em hãy:

1. Nhận xét, giải thích sự thay đổi cơ cấu sử dụng lao động phân theo thành phần kinh tế và ngành kinh tế của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025.
2. Trình bày tình hình sử dụng lao động của tỉnh Ninh Bình.

2. Vấn đề việc làm

Trong những năm gần đây, nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp như: đa dạng hoá các hoạt động sản xuất, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, tăng cường hợp tác, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng sản xuất, kinh doanh,... mà vấn đề việc làm có nhiều chuyển biến tích cực. Giai đoạn 2021 – 2025, toàn tỉnh đã giải quyết được việc làm mới cho hơn 394 610 lượt người, trong đó

xuất khẩu lao động là 33 395 người. Đặc biệt, việc mở rộng và phát triển các cụm công nghiệp, các khu công nghiệp đã tạo ra nhiều việc làm, góp phần sử dụng hợp lí, nâng cao hiệu quả nguồn lao động, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Bảng 2.7. Tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh Ninh Bình năm 2021 và năm 2025 (Đơn vị: %)

Tiêu chí	Năm	2021	2025
Tỷ lệ thất nghiệp		1,7	1,4
<i>Trong đó:</i>			
– Thành thị		1,8	1,5
– Nông thôn		1,6	1,3

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

Tuy nhiên, do số lượng lao động đông, trình độ chuyên môn, kỹ thuật của một bộ phận người lao động còn thấp, kinh tế chưa phát triển mạnh nên một bộ phận người lao động chưa có việc làm, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội và chất lượng cuộc sống của người dân tỉnh Ninh Bình.

Để giải quyết tốt hơn vấn đề việc làm, tỉnh Ninh Bình cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như: phân bố lại dân cư, lao động; đa dạng hoá các loại hình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng lao động, chú trọng đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ; tăng cường thu hút đầu tư trong và ngoài tỉnh để phát triển kinh tế; tăng cường hợp tác, xuất khẩu lao động,...

Đọc thông tin mục 2 và bảng 2.7, em hãy:

1. Nhận xét và giải thích sự thay đổi về tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh Ninh Bình năm 2021 và năm 2025.
2. Trình bày thực trạng vấn đề việc làm ở tỉnh Ninh Bình.
3. Để giải quyết tốt vấn đề việc làm, theo em, tỉnh Ninh Bình cần thực hiện những giải pháp gì?

3. Chất lượng cuộc sống

Trong những năm gần đây, chất lượng cuộc sống của người dân tỉnh Ninh Bình được cải thiện và nâng cao rõ rệt, thu nhập bình quân theo đầu người trên địa bàn toàn tỉnh có xu hướng tăng.

Hệ thống giáo dục, đào tạo có đủ các cấp học từ mầm non đến đại học. Đội ngũ giáo viên được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Trang thiết bị giáo dục ngày càng hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng cao và được củng cố vững chắc, khẳng định qua các kì thi quốc gia, quốc tế. Sự phát triển của giáo dục, đào tạo đã góp phần quan trọng nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn lao động.



Hình 2.10. Lễ biểu dương, khen thưởng học sinh tham gia Kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia năm học 2025 – 2026

Mạng lưới y tế phát triển rộng khắp, hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế ngày càng hoàn thiện và hiện đại. Chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng cao. Công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân được tăng cường. Nhờ đó, tỉ lệ tử vong, suy dinh dưỡng của trẻ em giảm, nhiều dịch bệnh được đẩy lùi, tuổi thọ trung bình có xu hướng tăng.



Hình 2.11. Bác sĩ sử dụng thiết bị hiện đại trong khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Nam Định (phòng Thiên Trường)

Đời sống văn hoá tinh thần của người dân luôn được quan tâm, chú trọng. Các di tích lịch sử – văn hoá, di tích cách mạng, lễ hội truyền thống, các loại hình

nghệ thuật dân gian như: hát chèo, hát xẩm, hát văn,... được bảo tồn, phát triển. Hằng năm, Ninh Bình tổ chức nhiều sự kiện văn hoá truyền thống như: lễ hội Hoa Lư, lễ hội Đền Trần, lễ hội Tràng An, lễ hội chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc, chùa Long Đọi Sơn, lễ Tịch điền... đã phát huy được các giá trị văn hoá tốt đẹp, đồng thời đáp ứng nhu cầu tham quan, giải trí của người dân. Mạng lưới phát thanh, truyền hình, internet phát triển rộng khắp, chất lượng phục vụ ngày càng cao.



Hình 2.12. Lễ hội chùa Bái Đính (phường Tây Hoa Lư)



Hình 2.13. Nghi thức rước các tráp ấn vào đền Thiên Trường trong Lễ Khai ấn Đền Trần (phường Nam Định)

Bảng 2.8. Một số chỉ tiêu về chất lượng cuộc sống dân cư của tỉnh Ninh Bình năm 2021 và năm 2025

Tiêu chí	Năm	
	2021	2025
Tỉ lệ hộ nghèo đa chiều (%)	1,9	0,96
Thu nhập bình quân đầu người (nghìn đồng/người/tháng)	4 368	6 583
Tuổi thọ trung bình (tuổi) ¹	74,5	75,5

(Nguồn: Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025, Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

¹ Theo: Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2025.

Tuy nhiên, chất lượng cuộc sống của một bộ phận người dân tỉnh Ninh Bình còn gặp nhiều khó khăn, chất lượng cuộc sống có sự chênh lệch giữa khu vực thành thị – nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư,... Do vậy, việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tỉnh Ninh Bình.

Đọc thông tin mục 3, bảng 2.8 và quan sát các hình 2.10 – 2.13, em hãy:

- 1. Nhận xét sự thay đổi của một số chỉ tiêu về chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Ninh Bình năm 2021 và năm 2025.*
- 2. Trình bày những thành tựu về chất lượng cuộc sống của người dân tỉnh Ninh Bình.*

C. LUYỆN TẬP

1. Trình bày những thuận lợi và khó khăn của nguồn lao động đối với sự phát triển kinh tế tỉnh Ninh Bình.
2. Trong những năm qua, tỉnh Ninh Bình đã giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động như thế nào?
3. Nêu một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tỉnh Ninh Bình.

D. VẬN DỤNG

1. Trình bày một số thành tựu nổi bật về việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ở địa phương em.
2. Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 – 15 dòng) về dự định nghề nghiệp của em trong tương lai.

Chủ đề 3

VĂN HỌC TRUNG ĐẠI NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết và nhận xét được khái quát về văn học trung đại Ninh Bình.
- Nhận biết và phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật nổi bật của một số tác phẩm văn học trung đại Ninh Bình.
- Trân trọng, tự hào về văn học trung đại Ninh Bình; có ý thức sưu tầm và tìm hiểu các tác phẩm văn học trung đại trên quê hương Ninh Bình.

A. MỞ ĐẦU



Hình 3.1. Tranh minh họa khí thế của quân đội nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên

1. Quan sát hình 3.1, em hãy:
 - Dùng 3 tính từ để mô tả khí thế của quân đội nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
 - Cho biết những địa danh hoặc chiến thắng lẫy lừng gắn liền với triều đại nhà Trần.
2. Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về văn học trung đại Ninh Bình từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Khái quát về văn học trung đại Ninh Bình

Ninh Bình – vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi có bề dày truyền thống lịch sử – văn hoá, từng giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình dựng nước và

giữ nước của dân tộc. Vị thế đó đã tạo nên nền tảng vững chắc cho sự hình thành và phát triển của văn học trung đại Ninh Bình – một bộ phận tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam, vừa mang đặc điểm chung của thời đại, vừa mang đậm dấu ấn riêng của vùng đất nghìn năm văn hiến.

1.1. Các thời kì phát triển văn học trung đại Ninh Bình

a. Văn học Ninh Bình thời Lý – Trần (từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV)

Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV là giai đoạn của hai triều đại: nhà Lý (1009 – 1225) và nhà Trần (1226 – 1400). Thời kì này, Phật giáo được xem như là quốc giáo. Điều đó có ảnh hưởng khá sâu sắc đến văn học, tạo nên một dòng “Văn học Phật giáo”, một dòng “Thơ Thiền” của thời đại Lý – Trần.

Thời nhà Lý: Tác giả thường là các vị Thiền sư, sáng tác dưới hình thức là các bài kệ nhằm truyền tải giáo lí, tư tưởng Phật giáo, tiêu biểu như: Đàm Cứu Chỉ (995 – 1067) với *Tâm Pháp* viết về giáo lí nhà Phật; Thượng thư Nguyễn Công Bật với *Đại Việt quốc Lý gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi* (Bia tháp Sùng Thiện Diên Linh của vua thứ tư nhà Lý); Thiền sư Không Lộ với *Ngôn hoài*, Thiền sư Giác Hải với *Bát giác nữ đàm bạch*, *Thị tậ*,...

Thời nhà Trần: Lực lượng sáng tác phong phú (vua, tướng lĩnh, nhà nho), xuất thân chủ yếu từ hoàng tộc nhà Trần, gồm các vua: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, Trần Nghệ Tông,...; các vương hầu, tướng lĩnh, có Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn, Trần Tung, Trần Quang Triều, Trần Nguyên Đán, Trần Ngạc, Trương Hán Siêu, nhà nho Đào Sư Tích,...

b. Văn học Ninh Bình thời Lê – Mạc (từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVIII)

Thời Lê – Mạc (XV – XVIII) có lực lượng sáng tác đông đảo, tác giả là các trí thức Nho học, đỗ đạt cao, làm vua, quan dưới các triều Lê – Mạc như: Nguyễn Địch, Lương Thế Vinh, Vũ Tuấn Chiêu, Vũ Vĩnh Trinh, Phạm Đạo Phú, Ngô Bật Lương, Trần Kỳ,...; chủ đề sáng tác đa dạng, cảm hứng sáng tác phong phú. Những sáng tác xoay quanh cảm hứng lịch sử như: *Trung Vương Đại tướng từ* (Đền thờ vị Đại tướng của Trung Vương) của Trần Bảo, *Hoa Lư cố kinh hữu cảm* (Cảm tác qua kinh đô cũ Hoa Lư), *Hồi cựu quán* (Trở về quê cũ) của Trình Thuấn Du,... cảm hứng thế sự với các tác phẩm tiêu biểu như: *Thế lộ suy* (Đường đời suy biến) của Lý Trần Thản, *Vì quan* (Làm quan) của Bùi Viết Lượng,...; cảm hứng nhân văn với các tác phẩm như: *Quá Dạ Trạch châu* (Qua bãi Dạ Trạch) của Nguyễn Khắc Hiếu,...

c. Văn học Ninh Bình thời Nguyễn (thế kỉ XIX)

Thế kỉ XIX gắn với triều Nguyễn (từ 1802), xã hội đã có nhiều biến động. Thực dân Pháp xâm chiếm và đặt ách đô hộ lên nước ta. Thời kì này xuất hiện nhiều tác giả tên tuổi như: Nguyễn Xuân Thập, Đỗ Huy Cảnh, Ngô Thế Vinh, Ngô Đình Thái, Vũ Huy Dật, Đặng Xuân Bảng, Vũ Hữu Lợi, Nguyễn Ngọc Liên, Phạm Văn Nghị, Đặng Xuân Viện, Lã Xuân Oai, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương,... Nhiều tác phẩm viết về tâm sự thầm kín của người trí thức, về nỗi niềm “*ưu thời mãn thế*” của nhà nho trước vận nước lâm nguy. Văn học Ninh Bình thời nhà Nguyễn cũng có khá nhiều thơ vịnh sử, thơ thể sự như: Đinh Gia Hội vịnh *Trần Thương* (Đền Trần Thương); Phạm Văn Nghị viết *Tri Lý Nhân phủ nhân hành đê ngẫu thuật Thanh Liêm huyện sự trạng* (Làm tri phủ Lý Nhân coi đê thuật lại tình trạng huyện Thanh Liêm); Nguyễn Khuyến miêu tả chân thực làng cảnh quê hương đồng bằng Bắc Bộ trong chùm thơ thu: *Thu điếu, Thu vịnh, Thu ẩm*,... Ông được mệnh danh là “nhà thơ của dân tình và làng cảnh Việt Nam”.

Thời kì này Nguyễn Khuyến là một trong những tác giả tiêu biểu nhất của thể loại thơ Nôm và thơ trào phúng với những tác phẩm thể hiện sâu sắc tình yêu quê hương, đất nước và con người. Thơ Nguyễn Khuyến được coi là tập đại thành của thơ ca Ninh Bình nói riêng và của nền văn học dân tộc nói chung.

1.2. Nội dung văn học trung đại Ninh Bình

Văn học trung đại Ninh Bình tập trung phản ánh những vấn đề lớn của thời đại, của quê hương Ninh Bình như tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; ngợi ca triều đại, non sông gấm vóc, ca ngợi truyền thống quê hương, đề cao vai trò của minh quân, của đạo lí đồng thời thể hiện sâu sắc tư tưởng Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo. Đặc biệt, nhiều tác phẩm gắn liền với không gian danh thắng, qua đó bộc lộ niềm tự hào về quê hương và ý thức bảo vệ, gìn giữ di sản văn hoá của quê hương, đất nước.

1.3. Nghệ thuật văn học trung đại Ninh Bình

Văn học trung đại Ninh Bình chủ yếu sáng tác bằng văn tự chữ Hán với các thể loại đa dạng như thơ (chiếm vị trí chủ đạo), phú, văn luận thuyết, văn bia, truyện kí, chiếu, biểu. Ngôn ngữ trang trọng, hàm súc, giàu tính biểu tượng; hình ảnh thiên nhiên thường được khắc hoạ với vẻ đẹp vừa hùng vĩ, vừa linh thiêng, phản ánh mối quan hệ hài hoà giữa con người với vũ trụ và lịch sử. Dấu ấn tư duy triết lí, nhất là triết lí Phật giáo được thể hiện khá rõ trong nhiều tác phẩm.

Văn học trung đại Ninh Bình không chỉ là minh chứng sinh động cho đời sống tinh thần phong phú của cư dân vùng đất cố đô, mà còn góp phần quan trọng vào dòng chảy chung của văn học trung đại Việt Nam. Những giá trị tư tưởng, lịch sử và thẩm mỹ mà văn học trung đại Ninh Bình để lại có ý nghĩa sâu sắc, lâu dài, góp phần khẳng định vị thế của Ninh Bình trong tiến trình văn hoá – văn học dân tộc.

2. Văn bản

2.1. Văn bản 1

PHÒ GIÁ VỀ KINH
(Tụng giá hoàn kinh sư¹)
(Trần Quang Khải)



Hình 3.2. Tranh minh họa khí thế chiến thắng của quân đội nhà Trần

Phiên âm:

Đoạt sáo² Chương Dương độ³,
Cầm Hồ⁴ Hàm Tử quan⁵.
Thái bình tu trí lực⁶,
Vạn cổ thử giang san⁷.

¹ *Tụng*: đi theo sau; *giá*: nghĩa gốc là buộc ngựa vào xe, nghĩa thường là xe vua đi; *tụng giá*: đi theo xe nhà vua; *hoàn*: trở về; *kinh*: kinh đô, thủ đô xưa; *kinh sư*: kinh đô một nước có vua.

² *Đoạt*: cướp lấy, *sáo*: giáo (một thứ vũ khí).

³ *Chương Dương*: bên sông nằm ở hữu ngạn sông Hồng, nay thuộc Hà Nội. Chiến thắng Chương Dương diễn ra vào tháng 6 năm Ất Dậu (1285) do Trần Quang Khải chỉ huy; *độ*: bên sông.

⁴ *Cầm*: bắt, *Hồ*: từ do người Trung Quốc xưa dùng để chỉ các dân tộc thiểu số và ngoại tộc ở phía bắc với thái độ khinh miệt, ở đây dùng để chỉ giặc Mông – Nguyên.

⁵ *Hàm Tử*: một địa điểm ở tả ngạn sông Hồng, thuộc Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Trận Hàm Tử diễn ra vào tháng 4 năm Ất Dậu (1285) do Trần Nhật Duật chỉ huy với sự hỗ trợ đặc lực của Trần Quang Khải; *quan*: cửa ải.

⁶ *Thái bình*: rất bình yên; *tu*: nên; *trí*: đem hết, dốc hết; *lực*: sức mạnh (có bản chép: nghĩ nỗ lực, có nghĩa là “nên cố sức”).

⁷ *Vạn*: mười nghìn; *cổ*: xưa; *thử*: ấy, này; *giang*: sông; *san* (vốn đọc là sơn): núi.

Dịch nghĩa:

Cướp giáo giặc ở bên Chương Dương,
Bắt quân Hồ ở cửa Hàm Tử.
Thái bình rồi nên dốc hết sức lực,
Muôn đời vẫn có non sông này.

Chú ý các chiến thắng lịch sử và việc sử dụng động từ mạnh.

Dịch thơ:

Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.

(Trần Trọng Kim dịch, *Việt Nam sử lược*, NXB Tân Việt, Hà Nội, 1951)

Em có biết?



Hình 3.3. Tượng Thái sư Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải

Trần Quang Khải (1241 – 1294) là con trai thứ ba của vua Trần Thái Tông, được phong làm Thượng tướng, có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1284 – 1285; 1287 – 1288), đặc biệt là trong hai trận chiến thắng ở Hàm Tử và Chương Dương. Ông không chỉ là một võ tướng kiệt xuất, mà còn là người có những vần thơ “sâu xa lí thú” (Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*).

Bài thơ *Phò giá về kinh* được sáng tác lúc ông đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long (Hà Nội ngày nay) ngay sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử và giải phóng kinh đô năm 1285. Bài thơ được viết theo thể ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật, có cách gieo vần tương tự như ở thể thất ngôn tứ tuyệt.

Câu hỏi:

- Câu 1.** Xác định đặc điểm thể loại của bài thơ (số chữ, số dòng, niêm, luật và cách hiệp vần,...) ở bản phiên âm bài thơ.
- Câu 2.** Chỉ ra và phân tích giá trị của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ: “*Đoạt sáo Chương Dương độ/Cầm Hồ Hàm Tử quan*” để tạo nên không khí hào hùng trong chiến thắng lẫy lừng của quân dân nhà Trần.
- Câu 3.** Tại sao sau những vần thơ hùng hực khí thế chiến thắng ở hai câu đầu, tác giả lại viết: “*Thái bình nên gắng sức*”? Cụm từ “*gắng sức*” được hiểu thế nào trong bối cảnh đất nước vừa sạch bóng quân thù?

Câu 4. Em có đồng tình với nhận xét: “Bài thơ không chỉ là khúc ca khải hoàn mà còn là một lời quyết tâm dựng xây đất nước lâu dài” hay không? Vì sao?

Câu 5. Từ hoàn cảnh ra đời và nội dung bài thơ, hãy nêu hiểu biết của em về hào khí Đông A.

Em cần nhớ:

- Bài thơ viết theo thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, cảm xúc dồn nén, giọng điệu hùng tráng.
- Bài thơ thể hiện mạnh mẽ niềm tự hào về không khí chiến thắng và khát vọng xây dựng một đất nước thái bình thịnh trị của dân tộc ta thời Trần.

2.2. Văn bản 2

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ
(Nguyễn Khuyển)

Nhan đề gợi cho em suy nghĩ gì về hoàn cảnh bài thơ ra đời?



Hình 3.4. Tranh minh họa

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả¹, khôn chài cá²,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.

Chú ý các câu thơ nêu điều kiện tiếp bạn của nhà thơ.

¹ Nước cả: nước lớn, nước đầy, nhiều.

² Khôn: khó thực hiện.

Cải chữa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rón¹, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta!

Cụm từ “ta với ta”
được hiểu như
thế nào?

(Nguyễn Khuyến, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập IV,
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

Em có biết?



Hình 3.5. Chân dung
Nguyễn Khuyến

Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) lúc nhỏ tên là Nguyễn Thảng, quê ở thôn Vị Hạ (làng Và), xã Yên Đổ, nay thuộc xã Trung Lương, tỉnh Ninh Bình. Thuở nhỏ nhà nghèo nhưng thông minh, học giỏi, sau đó đi thi, đỗ đầu cả ba kì: Hương, Hội, Đình, do đó có tên là Tam Nguyên Yên Đổ. Nguyễn Khuyến làm quan khoảng mười năm, nhưng đến khi thực dân Pháp đánh chiếm xong Bắc Bộ, ông cáo quan về ở ẩn. Ông là một nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ ca của ông chủ yếu được sáng tác vào giai đoạn sau ngày cáo quan về sống ở Yên Đổ. Nguyễn Khuyến là nhà thơ của tình bạn, tình người, tình quê.

Bài thơ “Bạn đến chơi nhà” được sáng tác khi nhà thơ cáo quan về ở ẩn. Đây là một trong số những bài thơ hay nhất viết về tình bạn.

Câu hỏi:

- Câu 1.** Chỉ rõ ba đặc điểm nhận biết thể thơ của bài thơ trên.
- Câu 2.** Tìm và phân tích ý nghĩa của các đại từ xưng hô, các phó từ được dùng trong bài thơ.
- Câu 3.** Câu thơ “*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà*” thông báo điều gì? Trong hoàn cảnh đó, lẽ ra Nguyễn Khuyến phải tiếp bạn ra sao?
- Câu 4.** Điều kiện nhà thơ tiếp bạn có gì đặc biệt? Tình huống được nói đến trong bài thơ có ý nghĩa gì?
- Câu 5.** Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu thơ kết “*Bác đến chơi đây, ta với ta!*”? Qua đó, nêu nhận xét của em về tình cảm của nhà thơ dành cho bạn.

¹ Rón: chỗ lõm sâu ở đáy của một sự vật.

Em cần nhớ:

- Bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, sử dụng ngôn ngữ thơ thuần Nôm bình dị, mộc mạc, gần với lời ăn tiếng nói của người dân, giọng điệu thơ hóm hỉnh, hài hước, thi liệu mang đậm dấu ấn của làng quê Bắc Bộ.
- “*Bạn đến chơi nhà*” là bài ca đẹp về tình bạn đậm đà, thắm thiết, keo sơn vượt lên mọi thứ vật chất tầm thường. Bài thơ giúp người đọc hiểu thêm về nhân cách cao đẹp, tâm hồn thanh cao của vị Tam Nguyên Yên Đổ.

C. LUYỆN TẬP

1. Hãy nêu giá trị lịch sử của bài thơ *Phò giá về kinh*.
2. Viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) nêu cảm nhận của em về hào khí chiến thắng và khát vọng hoà bình trong bài thơ *Phò giá về kinh* của Trần Quang Khải.
3. Bài thơ *Bạn đến chơi nhà* thể hiện một quan niệm đẹp về tình bạn. Theo em, đó là quan niệm gì?
4. Nhận xét khái quát về đặc điểm nghệ thuật của thơ văn trung đại Ninh Bình qua việc tìm hiểu hai bài thơ trên.

D. VẬN DỤNG

1. So sánh điểm tương đồng về nội dung và hình thức nghệ thuật giữa hai tác phẩm: *Phò giá về kinh* của tác giả Trần Quang Khải và *Sông núi nước Nam* của tác giả khuyết danh.
2. Từ khát vọng mà Thượng tướng Trần Quang Khải thể hiện trong bài thơ, em hãy viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) chia sẻ về trách nhiệm của tuổi trẻ đối với đất nước trong giai đoạn hiện nay.
3. Dựa vào bài thơ *Bạn đến chơi nhà* của Nguyễn Khuyến, hãy viết đoạn văn (khoảng 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về sức mạnh của tình bạn trong cuộc sống.
4. Tìm đọc và chia sẻ với các bạn một số bài thơ, truyện ngắn trên quê hương Ninh Bình trong giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX.

THỰC HÀNH ĐỌC:

KHẮC ĐÁ NÚI DỤC THUY¹ (Dục Thúy Sơn khắc thạch)

*Trương Hán Siêu*²

Phiên âm:

Sơn sắc chính y y,
Du nhân hồ bất quy?
Trung lưu quang tháp ảnh,
Thượng giới khái nham phi.
Phù thế như kim biệt,
Nhàn thân ngộ tạc phi.
Ngũ Hồ thiên địa khoáng,
Hảo phông điều ngư kì.



**Hình 3.6. Hình ảnh Dục Thúy Sơn
(phường Hoa Lư)**

Dịch nghĩa:

Sắc núi vẫn y nguyên,
Người chơi phương xa sao không về?
Giữa dòng soi bóng cây tháp,
Cửa Phật mở cánh cửa hang.

Cuộc sống ngày nay đã từ biệt,
Thân nhàn mới rõ trước kia sai lầm.
Thú chơi Ngũ Hồ, trời đất rộng bao la,
Tốt nhất là đi tìm tảng đá ngồi câu cá.

Dịch thơ:

Sắc núi vẫn xanh tươi,
Sao người chặm về chơi?

¹ *Núi Dục Thúy* (núi Non Nước): nằm ở bên bờ sông Đáy, phía bắc tỉnh Ninh Bình – ngã ba sông Đáy và sông Vân.

² Trương Hán Siêu (? – 1354), tự là Thăng Phủ, hiệu là Độn Tâu, người làng Phúc Am, huyện Yên Ninh, phủ Trường Yên (nay là Ninh Bình). Ông là môn khách của Trần Hưng Đạo, tính tình cương nghị, học vấn uyên thâm. Ông tham gia hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên và từng làm quan dưới bốn đời vua Trần. Sau khi ông mất, vua Trần đã truy tặng ông hàm Thái bảo, rồi hàm Thái phó (năm 1363). Ông được thờ ở Văn Miếu (nay thuộc thành phố Hà Nội) từ năm 1372, sánh ngang với các bậc hiền triết thời xưa. Kiệt tác văn chương nổi tiếng nhất trong sự nghiệp sáng tác của ông là áng thiên cổ kì bút *Bạch Đằng giang phú* (Phú sông Bạch Đằng).

Lòng sông bóng tháp¹ đẹp
Hang đá cảnh chùa vui.

Cuộc thế từ nay biệt
Thân nhàn biết trước sai.
Ngũ Hồ² trời đất rộng
Câu cá muốn tìm vui³.

(Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình, *Tuyển tập Văn học Ninh Bình ngàn năm*, NXB Văn học, Hà Nội, 2010, tr.29)

Câu hỏi:

- Câu 1.** Văn bản được viết theo thể thơ nào? Có thể chia văn bản thành mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần.
- Câu 2.** Vẻ đẹp của núi Dục Thúy được miêu tả qua những hình ảnh, chi tiết nào? Nêu cảm nhận của em về những hình ảnh, chi tiết đó.
- Câu 3.** Em có suy nghĩ gì về tâm sự của tác giả trong hai câu thơ cuối?
- Câu 4.** Bài thơ *Khắc đá núi Dục Thúy* giúp em hiểu gì về vẻ đẹp tâm hồn của tác giả Trương Hán Siêu?

¹ *Bóng tháp*: chỉ tháp Linh Tế trên núi.

² *Ngũ Hồ* là năm hồ (hai khu vực năm hồ, một lấy hồ Động Đình làm trung tâm, một lấy Thái Hồ làm trung tâm); hình ảnh ước lệ về danh thắng để chỉ đất trời bao la, cuộc đời rộng lớn.

³ *Câu cá muốn tìm vui*: điển tích Lã Vọng đã 80 tuổi ngồi buông câu trên sông Vị, đợi gặp được Cơ Xương (Chu Văn Vương) mới ra phò tá và làm nên nghiệp lớn.

Chủ đề 4

ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN QUÊ HƯƠNG NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Biết được tên các dân tộc, tôn giáo; tình hình phân bố và đời sống văn hoá, phong tục, tập quán,... của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; các chủ trương, chính sách đại đoàn kết, chính sách dân tộc ở tỉnh Ninh Bình.
- Hiểu được ý nghĩa to lớn của truyền thống đoàn kết dân tộc trên quê hương Ninh Bình.
- Biết bày tỏ quan điểm ủng hộ những hành động giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc và biết phê phán những hành vi, việc làm phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.
- Có những hành động và việc làm cụ thể để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên quê hương Ninh Bình.

A. MỞ ĐẦU

Đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam nói chung, của nhân dân Ninh Bình nói riêng.

Em hãy cho biết, câu nói: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết / Thành công, thành công, đại thành công” là của ai? Câu nói đó nhắc nhở em điều gì?



Hình 4.1. Bác Hồ bắt nhịp bài ca Kết đoàn

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Các dân tộc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số. Tính đến tháng 12-2025, tỉnh Ninh Bình có khoảng trên 30 000 người dân tộc thiểu số sinh sống, chiếm gần 0,7 % dân số toàn tỉnh, trong đó chủ yếu là người dân tộc Mường; ngoài ra còn có dân tộc Tày, Thái, Nùng, Dao và một số dân tộc khác như Sán Dìu, M'Nông, Ê Đê, Hoa, Thổ, Ra Glai, Khơ Me, Chăm, Si La, Xinh Mun, Gia Rai, Giáy, Pà Thẻn,... Các dân tộc thiểu số sống rải rác ở các địa phương trong tỉnh và chịu ảnh hưởng sâu sắc phong tục tập quán của người Kinh.

Đa số đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Bình sinh sống ở vùng đồi núi bán sơn địa, có điều kiện khí hậu phù hợp với việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp mà trọng tâm là nghề rừng và chăn nuôi. Đồng bào dân tộc thiểu số gắn bó với quê hương, không du canh, du cư và ít có sự chuyển dịch trong lao động. Quá trình sinh sống đan xen và hợp tác đã tạo nên truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, thống nhất cộng đồng giữa các dân tộc, góp phần đảm bảo sự ổn định về chính trị, an ninh, quốc phòng của địa phương.

Thông tin 1:

Người Mường ở Ninh Bình sống thành làng bản, tập trung ở các xã Cúc Phương, Phú Long, và rải rác ở một số xã, phường khác như Quỳnh Lưu, Thanh Sơn, Yên Sơn,... Mỗi làng bản có những nét đặc trưng riêng về văn hoá như trang phục, tiếng nói, ẩm thực, các nghi lễ ma chay, cưới hỏi,... nhưng giống nhau ở nét văn hoá cộng đồng, tạo nên sự đa dạng về văn hoá, phong tục, tập quán, bổ sung cho nhau những nét đẹp trong văn hoá truyền thống, tạo dựng đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, phong phú, góp phần giữ vững và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương.

Những năm gần đây, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Ninh Bình cùng cán bộ các xã, thôn đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đồng bào dân tộc Mường thực hiện, phát huy những nét đẹp trong văn hoá, đồng thời xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Trong những ngày lễ, Tết, khắp bản làng rộn rã câu hát, lời ca, đặc biệt là tục ném còn ngày xuân, hát đúm, hát sắc bùa, biểu diễn công chiêng, hát giao duyên, đi cà kheo, bắn nỏ,... tạo nên nét riêng của văn hoá Mường.

Ngày nay, người Mường ở Ninh Bình luôn sát cánh cùng với các dân tộc khác vừa phát huy sức mạnh của văn hoá truyền thống, vừa tiếp thu những tinh hoa của văn hoá hiện đại nhằm xây dựng đời sống văn hoá mới phong phú, văn minh. Tại hàng trăm thôn bản có đồng bào con dân tộc Mường sinh sống, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” phát triển khá mạnh, đã có không ít thôn bản được công nhận danh hiệu là “Làng văn hoá” các cấp.



Hình 4.2. Biểu diễn công chiêng của đồng bào dân tộc Mường tại Ngày hội văn hoá, thể thao các dân tộc huyện Nho Quan (nay là xã Nho Quan)

Thông tin 2:

Là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và sự hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh Ninh Bình và các tổ chức thành viên, tỉnh đã phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc và công tác dân tộc, tích cực vận động, tập hợp đồng bào các dân tộc; thông qua hoạt động của Ban Công tác Mặt trận xã, phường, để phản ánh tâm tư, nguyện vọng và thường xuyên chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của đồng bào các dân tộc thiểu số ở cơ sở; chủ động tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất các kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của các cấp uỷ Đảng chính quyền cấp xã có liên quan đến đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm chăm lo ngày càng tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào; tham gia tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân và đồng bào các dân tộc thiểu số ở cơ sở thực hiện tốt các chủ trương, chính sách dân tộc. Triển khai và thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động ở khu vực sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

1. Ninh Bình có những dân tộc nào cùng sinh sống? Việc cư trú xen kẽ của các dân tộc trên cùng một địa bàn theo em có ý nghĩa như thế nào?
2. Mặt trận Tổ quốc có vai trò như thế nào trong việc đoàn kết các dân tộc ở Ninh Bình?

Kết nối: Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về một dân tộc thiểu số trên địa bàn ở địa phương em sinh sống.

2. Đoàn kết dân tộc – giá trị cốt lõi của thành công

Trong lịch sử, vùng đất và con người Ninh Bình luôn để lại những dấu ấn và có những đóng góp to lớn cho công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trải qua các thời kì lịch sử khác nhau, chính giá trị văn hoá cốt lõi của tinh thần đoàn kết đã trở thành sức mạnh để cán bộ và nhân dân tỉnh Ninh Bình vượt lên khó khăn, thực hiện khát vọng dựng xây quê hương, làm rạng rỡ quê hương Ninh Bình.

Thông tin 1:

[...] Nằm ở vị trí chiến lược, Ninh Bình đã hiên ngang trở thành “lá chắn thép” kiên cường trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, quân và dân trong tỉnh đã đoàn kết một lòng, vượt lên trên bom đạn, vừa hăng hái thi đua lao động sản xuất, vừa anh dũng chiến đấu bảo vệ quê hương, trước hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Nhân dân và lực lượng vũ trang Ninh Bình vừa tích cực tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, vừa hăng say thi đua lao động sản xuất; đóng góp hàng chục vạn tấn lương thực, thực phẩm; đã huy động hàng triệu ngày công làm trận địa và công trình giao thông, quốc phòng; bốc dỡ và bảo quản an toàn hàng chục nghìn tấn hàng quốc phòng; vận chuyển hàng chục nghìn tấn hàng chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam,...

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vô cùng gay go, quyết liệt, với những hi sinh to lớn, Đảng bộ, quân và dân Ninh Bình đã góp phần cùng cả nước làm nên một trang sử hào hùng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Đảng bộ, nhân dân và Lực lượng vũ trang Ninh Bình đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo: Văn Lúa – Yên Trinh, “Ninh Bình “tăng tốc bút phá” cùng cả nước viết tiếp trang sử mới của dân tộc”, nhandan.vn, truy cập ngày 29-4-2025)



Hình 4.3. Lực lượng dân quân pháo phòng không Phương Đình (nay thuộc phường Nam Hoa Lu) tại điểm diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh

Thông tin 2:

Mỗi dịp tháng 11 hằng năm, không khí Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc lại lan toả khắp các khu dân cư tỉnh Ninh Bình. Đây là dịp tôn vinh truyền thống văn hoá và khẳng định niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

Dưới sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và vai trò cầu nối của Mặt trận Tổ quốc, khối đại đoàn kết tại địa phương không ngừng được củng cố. Các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, bảo vệ môi trường và hoạt động “Bữa cơm đại đoàn kết” đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, thắt chặt tình cảm giữa chính quyền và nhân dân.

Sự đồng lòng ấy đã tạo nên những chuyển biến thực tiễn: hệ thống hạ tầng được đầu tư đồng bộ, cảnh quan môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp. Cùng với đó, các mô hình kinh tế hiệu quả được nhân rộng, công tác an sinh xã hội và khuyến học được chú trọng, góp phần xây dựng đời sống nhân dân ngày càng ấm no, bền vững.

Sức mạnh đoàn kết không chỉ giúp Ninh Bình hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh tế – xã hội mà còn là “chìa khoá vàng” để thực hiện khát vọng lớn lao: đưa Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, một đô thị di sản trong thiên niên kỉ văn minh, hiện đại.



**Hình 4.4. Tổ dân phố số 3, phường Duy Tiên
tổ chức ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2025**

1. Tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã mang lại kết quả gì?
2. Vì sao việc đoàn kết dân tộc có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay?

Kết nối: Em hãy lấy thêm ví dụ về kết quả của những việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

3. Chủ trương, chính sách của Ninh Bình trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong những năm qua, tỉnh Ninh Bình đã quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện tốt công tác dân tộc. Hoạt động tuyên truyền, động viên đồng bào dân tộc thiểu số phát huy tinh thần tự lực, tiềm năng sẵn có của địa phương để phát triển sản xuất, vươn lên xoá đói giảm nghèo và làm giàu được đặc biệt chú trọng. Do đó, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được nâng cao, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và củng cố niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.



Hình 4.5. Cử tri đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Bình hăng hái, phấn khởi đi bầu cử



Hình 4.6. Khám bệnh tình nguyện, cấp thuốc miễn phí năm 2025 tại xã Yên Cường



Hình 4.7. Người dân thuộc diện hộ nghèo, khó khăn về nhà ở tại phường Duy Tiên được hỗ trợ xây dựng nhà “đại đoàn kết”



Hình 4.8. Người dân phố Khánh Ninh, phường Yên Sơn được tiếp cận với sách từ xe Thư viện lưu động của Thư viện tỉnh

Nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh Ninh Bình đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách như: Nghị quyết số 55/2022/NQ-HĐND ban hành ngày 27-10-2022, quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách cấp tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025. Đến năm 2025, tỉnh Ninh Bình đã bố trí

179,030 tỉ đồng để triển khai 08 dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 114 về triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức chính trị – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã tập trung vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thay đổi tập quán canh tác thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, dạy nghề; tặng giống cây con, hỗ trợ phân bón; xây dựng các mô hình về phát triển kinh tế,... qua đó phát huy nội lực, nâng cao ý thức tự giác vươn lên, tinh thần tương thân, tương ái của đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, Ninh Bình còn quan tâm và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về giáo dục, y tế, trong đó đã tập trung tới các đối tượng học sinh nghèo, học sinh vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia vùng dân tộc thiểu số hiện đạt 100 %. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số được duy trì thường xuyên. Toàn tỉnh có 100 % trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia, 100 % thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng (76/76 thôn) và 100 % thôn, bản có nhà văn hoá, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá cộng đồng của người dân.

Hiện 100 % các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đường giao thông thuận lợi từ trung tâm xã đến các thôn, xóm, bản; 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; hơn 90 % dân số ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Đến tháng 6-2025, thu nhập bình quân đầu người ước đạt 63 triệu đồng/năm; tỉ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khoảng 1,99 %.

- 1. Qua quan sát các hình ảnh và đọc thông tin, em hãy cho biết tỉnh Ninh Bình đã thực hiện những chủ trương, chính sách gì đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.*
- 2. Việc thực hiện những chính sách đó của tỉnh Ninh Bình đã mang lại ý nghĩa như thế nào.*

4. Trách nhiệm của học sinh trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân. Mỗi người đều phải cố gắng phấn đấu từng ngày để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh. Học sinh là thế hệ tương lai của đất nước càng cần phải có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện tốt khối đại đoàn kết dân tộc bằng những việc làm phù hợp, thiết thực nhất khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

Tình huống 1:

Bạn M là học sinh Trường THCS Tô Hiệu (phường Nam Định) rất yêu thích việc tìm hiểu và khám phá những nét văn hoá đặc sắc của các dân tộc. Bạn thường chủ động đọc sách, báo, tìm kiếm thông tin trên internet, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm về truyền thống văn hoá, các trò chơi dân gian của các dân tộc để hiểu thêm về phong tục, tập quán, lễ hội và đời sống văn hoá của họ. Từ những trải nghiệm thực tế, bạn M chia sẻ rằng mình đã cảm nhận rõ hơn sự phong phú, đa dạng và giàu bản sắc của văn hoá các dân tộc Việt Nam, từ đó bạn nảy sinh ước mơ sau này trở thành nhà nghiên cứu văn hoá dân tộc hoặc hướng dẫn viên du lịch, nhằm góp phần tìm hiểu sâu hơn và quảng bá các giá trị văn hoá truyền thống của tỉnh Ninh Bình nói riêng và Việt Nam nói chung.

- 1) Em có nhận xét gì về việc làm và ước mơ của bạn M?
- 2) Theo em, bạn M cần làm gì để thực hiện được ước mơ của mình?

Tình huống 2:

Trong ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, trong khi các bạn cùng lớp chủ động, tích cực tham gia các hoạt động do Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên tổ chức, thì bạn H cho rằng Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc là ngày dành cho người lớn, chứ không phải là ngày của học sinh nên bạn không tham gia.

- 1) Em có nhận xét gì về thái độ và suy nghĩ của bạn H?
- 2) Nếu em là bạn của bạn H, em sẽ ứng xử thế nào trong tình huống trên?

Theo em, học sinh phải làm gì để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình?

C. LUYỆN TẬP

1. Em đồng ý hay không đồng ý với các nhận định dưới đây? Vì sao?
 - a. Để thực hiện công bằng xã hội, cần có các chính sách để hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển.
 - b. Chỉ có dân tộc chiếm đa số dân cư mới có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của địa phương.
 - c. Các dân tộc cần được tôn trọng, bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc mình.
 - d. Các dân tộc đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trước pháp luật.
 - e. Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố tinh thần đoàn kết của dân tộc.
 - g. Tổ chức ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc là trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Theo em, vì sao cần giữ gìn và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc? Hãy viết một đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của bản thân em về vấn đề này.
3. Cho tình huống: Anh trai của T đang là bác sĩ tại một bệnh viện đa khoa cấp tỉnh. Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ y tế về cơ sở, anh được điều động đến công tác tại trạm y tế một xã vùng cao, nơi điều kiện kinh tế – xã hội còn nhiều khó khăn. Biết tin, anh trai T lo lắng về điều kiện làm việc thiếu thốn và sự xa xôi cách trở nên có ý định tìm cách xin ở lại.
Nếu là T, em sẽ trò chuyện và đưa ra lời khuyên như thế nào để giúp anh trai thay đổi quyết định?

D. VẬN DỤNG

1. Suy tầm tranh, ảnh về kết quả của những việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
2. Hãy thiết kế một sản phẩm có chủ đề “Đại đoàn kết dân tộc ở tỉnh Ninh Bình”.

Em cần nhớ:

- Ninh Bình là tỉnh có nhiều dân tộc cùng chung sống. Mỗi dân tộc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có truyền thống, phong tục, tập quán, ngôn ngữ,... khác nhau.
- Truyền thống đoàn kết các dân tộc ở Ninh Bình đã tạo nên sức mạnh to lớn, góp phần cùng nhân dân cả nước đấu tranh giành lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Chủ đề 5

NGHỆ THUẬT HÁT VĂN Ở NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Hiểu được nguồn gốc và quá trình phát triển của nghệ thuật hát văn trong đời sống tinh thần của người Ninh Bình.
- Hiểu được hát văn là hình thức âm nhạc nghi lễ phục vụ cho tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt.
- Nhận biết được những nét chính về làn điệu, nội dung, hình thức hát văn và một số nhạc cụ truyền thống thường dùng trong hát văn.
- Có ý thức giữ gìn, phát huy giá trị của những di sản văn hoá phi vật thể của quê hương, có thái độ tôn trọng, nghiêm túc khi tìm hiểu các giá trị văn hoá tín ngưỡng.

A. MỞ ĐẦU

Hình ảnh dưới đây gợi cho em liên tưởng đến điều gì?



Hình 5.1. Quần thể di tích Phủ Dầy (xã Vụ Bản)

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Nguồn gốc và quá trình phát triển nghệ thuật hát văn

Hát văn (còn được gọi là hát châu văn, hát bóng) là một thể loại âm nhạc truyền thống đặc sắc, gắn với nghi thức hầu đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, tôn vinh các vị Thánh Mẫu hoá thân ở các miền trời, sông nước, rừng núi và các vị Thánh có công với đất nước.

Hát văn hình thành từ khoảng thế kỉ XIII ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, phát triển mạnh từ thế kỉ XV và đạt đỉnh cao vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. Sau một khoảng thời gian có chiều hướng mai một (1954 – 1990), hát văn được hồi sinh trở lại và ngày càng phát triển mạnh mẽ. Ninh Bình – nơi được coi là cái nôi của đạo Mẫu, là một trong những trung tâm hát văn lớn nhất cả nước.

Năm 2016, di sản “Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” mà hát văn là một bộ phận trong đó được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

2. Nội dung, làn điệu và hình thức diễn xướng trong nghệ thuật hát văn

Về nội dung: Hát văn sử dụng các thể thơ như lục bát, song thất lục bát, nhất bát, song thất, hát nói,... Lời ca trong hát văn thường miêu tả cảnh thiên nhiên tươi đẹp, ca ngợi công đức, kể lại sự tích các Thánh, thể hiện lòng thành kính với thần linh ở mọi miền rừng núi, đất, trời, sông, biển Việt Nam.

Về làn điệu: Hát văn sử dụng nhiều làn điệu như: phú, đọc, còn, xá,... Ngoài ra, hát văn còn tiếp nhận thêm nhiều làn điệu từ các thể loại âm nhạc truyền thống khác như: hát nói trong ca trù, hát then, hò Huế, cải lương,..., làm cho thể loại âm nhạc truyền thống này luôn có sức sống với người Việt Nam trên khắp đất nước.

Trong hát văn, người chơi đàn được gọi là nhạc công, người hát được gọi là cung văn và là người hiểu biết, thông thạo nhiều làn điệu, quy định của nghi lễ châu Thánh.

Hát văn gồm các hình thức chính đó là:

- Hát thờ, hát hầu, là các hình thức hát phục vụ hầu đồng, lên đồng.
- Hát văn nơi cửa đền, cửa đình, thường gặp tại các đền, phủ trong những ngày đầu xuân, ngày lễ hội với nội dung ca ngợi các vị Thánh hoặc hát theo yêu cầu của khách hành hương.
- Ngoài ra, một số điệu của hát văn được tách khỏi ý nghĩa tín ngưỡng với nội dung ca ngợi cảnh vật, con người, phục vụ đời sống văn hoá đời thường của người dân quê hương Ninh Bình.

Ngoài phục vụ nghi lễ, hát văn còn được trình diễn như một loại hình âm nhạc sân khấu để phục vụ nhu cầu giải trí của nhân dân.



Hình 5.2. Nghệ sĩ trình diễn nghệ thuật hát văn

Em có biết?

Hầu đồng là một "bảo tàng sống" về âm nhạc cổ truyền, là một vở đại nhạc kịch tâm linh rực rỡ sắc màu. Ở đó, hát văn đóng vai trò là nhịp đập, trang phục là ngôn ngữ, các điệu múa là lời kể về lịch sử hào hùng của dân tộc. Thông qua hình tượng các vị Thánh cai quản mây trời, sông nước, rừng xanh, cha ông ta gửi gắm một triết lí sống nhân văn: "Uống nước nhớ nguồn" và hoà hợp với thiên nhiên. Giữa tiếng trống phách rộn ràng, mỗi giá đồng là một nhịp cầu nối quá khứ với hiện tại, mang theo ước vọng về một cuộc sống bình an, hạnh phúc.

3. Nhạc cụ trong hát văn

Hát văn sử dụng nhạc cụ truyền thống để tạo nhịp điệu, dẫn dắt lời ca và tăng sức biểu cảm cho nghi lễ. Các nhạc cụ chính gồm: đàn nguyệt, trống mảnh, phách, thanh la, đàn bầu, sáo, cảnh. Trong đó đàn nguyệt là nhạc cụ không thể thiếu, mang tính dẫn dắt cả dàn âm, cùng hoà quyện với giọng hát huyền bí, trang trọng của cung văn, tạo nên nhịp điệu lúc khoan thai, lúc rộn ràng, tác động mạnh mẽ đến cảm xúc của người tham dự.



Hình 5.3. Nhạc cụ chính trong hát văn

4. Sinh hoạt hát văn ở Ninh Bình

Ở Ninh Bình, hát văn gắn liền với các lễ hội, đền, phủ trong tỉnh, như: Phủ Dầy – nơi thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh; Phủ Đồi Ngang – nổi tiếng với các giá đồng đặc sắc; Đền Lảnh Giang – tổ chức các kì lễ hội hát văn sôi nổi. Từ xưa, thường vào dịp lễ hội, ngày xuân, đầu tháng, ngày rằm, những địa điểm này vốn là không gian văn hoá thuận lợi cho sự sáng tạo và diễn xướng nghệ thuật hát văn.

Sức sống hát văn ở Ninh Bình tiếp tục được gìn giữ và phát huy trong thời đại ngày nay thông qua hàng loạt các phong trào nghệ thuật từ quần chúng đến chuyên nghiệp. Nhiều câu lạc bộ hát văn lần lượt ra đời, điển hình là: *Câu lạc bộ nghệ thuật châu văn Tam Điệp*, *Câu lạc bộ hát văn xã Kim Thái (nay là xã Vụ Bản)*, *Câu lạc bộ hát văn Hành Thiện*, *Câu lạc bộ hát văn thôn Cống Giáp*,...

Nhiều nghệ nhân, nghệ sĩ giỏi tiếp tục hội tụ, đóng góp cho nghệ thuật hát văn tỉnh nhà như: NSND Kim Liên, NSND Mai Thủy, NSND Lương Duyên, NSƯT Thế Tuyên, NSƯT Bích Thục, NSƯT Hồng Vân, NSƯT Ngọc Hùng,... nhạc công Đào Trung Kiên, NNƯT Phạm Ngọc Giới, NNƯT Phạm Hải Hậu, nghệ nhân Trần Thị Liễu, nghệ nhân Phạm Văn Kiên,...

Cứ mỗi dịp lễ hội, ngày xuân, dịp “Tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ”, các cung văn ở Ninh Bình lại được dịp trở tài với những ngón đàn, điệu hát điêu luyện, đặc sắc, cùng nhau hội tụ, tiếp thu và sáng tạo tinh hoa, góp phần tiếp tục gìn giữ và phát huy một thể loại nghệ thuật truyền thống đặc sắc, xứng danh là những cái nôi hát văn của đất nước.



Hình 5.4. Biểu diễn hát văn trong lễ hội truyền thống tại Ninh Bình

C. LUYỆN TẬP

Nối nội dung cột A với nội dung cột B cho phù hợp:

Cột A
1. Đàn nguyệt
2. Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ
3. Đèn, phủ
4. Ca ngợi Thánh, anh hùng

Cột B
a. Nhạc cụ chính trong hát văn
b. Thường được diễn xướng
c. Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại
d. Nội dung hát văn

D. VẬN DỤNG

1. Em hãy kể tên một ngôi đền hoặc phủ ở địa phương em có tổ chức sinh hoạt hát văn.
2. Nêu cảm nhận của em sau khi tìm hiểu và thực hành hát văn.

Chủ đề 6

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận thức được vẻ đẹp của các lễ hội truyền thống tiêu biểu ở Ninh Bình (lễ hội Tịch điền, lễ hội Hoa Lư, lễ hội đền Trần).
- Vẽ được tranh về đề tài lễ hội.
- Vận dụng được hình ảnh lễ hội truyền thống để trang trí tranh tuyên truyền, trang trí các đồ vật, quà lưu niệm.
- Chia sẻ và cảm nhận được vẻ đẹp của lễ hội truyền thống tiêu biểu ở quê hương em. Từ đó có ý thức giữ gìn và trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống mà ông cha để lại.

A. MỞ ĐẦU

Hãy kể tên những lễ hội truyền thống trên quê hương Ninh Bình.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Vẻ đẹp của các lễ hội truyền thống tiêu biểu ở Ninh Bình

1.1. Lễ hội Khai ấn đền Trần

Lễ hội Khai ấn đền Trần là nghi lễ chính trị – văn hoá đặc biệt của Vương triều Trần (1225 – 1400) – một trong những triều đại hưng thịnh, oai hùng nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Lễ hội nhằm tri ân công lao Vương triều Trần và vua Trần Thái Tông – người khởi xướng Lễ Khai ấn, cầu cho quốc thái dân an, thiên hạ thái bình, thịnh trị, mọi người được hưởng lộc ấn “Tích Phúc Vô Cương”; đồng thời bồi đắp lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Lễ hội gồm hai phần: phần lễ là khai ấn và phần hội là tổ chức nhiều hoạt động, nhiều trò chơi dân gian.

Từ năm 2014, lễ hội Khai ấn đền Trần đã được công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia.



Hình 6.1. Một số hình ảnh trong lễ hội Khai ấn đền Trần

Em có biết?

Lễ hội được tổ chức trong 3 ngày (14, 15, 16 tháng Giêng âm lịch), trọng tâm là Lễ Khai ấn vào giờ Tý đêm 14, rạng sáng ngày 15 hằng năm tại Di tích quốc gia đặc biệt Đền Trần và chùa Phổ Minh (chùa Tháp) thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định (nay là phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình).

1.2. Lễ hội Tịch điền

Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn là lễ hội truyền thống đặc sắc diễn ra tại xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (nay là phường Tiên Sơn, tỉnh Ninh Bình), bắt nguồn từ thời vua Lê Đại Hành, người khởi xướng tục cày ruộng Tịch điền từ năm 987, thể hiện tư tưởng “trọng nông, khuyến nông”, cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, đồng thời còn khơi dậy tình cảm gắn bó, tình yêu lao động của người dân với mảnh đất quê hương. Nghi lễ này không chỉ mang ý nghĩa về mặt nông nghiệp, mà còn hàm chứa thông điệp chính trị – xã hội sâu sắc, thấm đượm tư tưởng “lấy dân làm gốc”, khẳng định rằng Nhà nước luôn coi cuộc sống no đủ, an vui của nhân dân là nền tảng vững chắc cho sự ổn định và phát triển của đất nước. Lễ hội gồm có phần lễ được tổ chức trang nghiêm, truyền thống, phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam. Phần hội gồm có các hoạt động: hội thi vẽ trâu, màn múa rồng mừng hội, múa hát Lả Lề, các trò chơi dân gian,...

Năm 2017, Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn đã được công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia.



Hình 6.2. Một số hình ảnh trong lễ hội Tịch điền

Em có biết?

Lễ hội Tịch điền được tổ chức từ ngày 5 đến ngày 7 tháng Giêng hằng năm với trọng tâm là Lễ Tịch điền được tổ chức vào sáng ngày 7 tháng Giêng tại phường Tiên Sơn, ngay trên khu ruộng dưới chân núi Đọi.

1.3. Lễ hội Hoa Lư

Lễ hội Hoa Lư (trước đây có tên gọi là Lễ hội Trường Yên, Lễ hội Cờ lau hay Lễ hội Cổ đô Hoa Lư) có từ thời Lý nhưng từ năm 1983 đến nay, Lễ hội Hoa Lư được tái tổ chức, bảo lưu được những yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian đặc sắc.

Lễ hội không chỉ tôn vinh vị anh hùng dân tộc Đinh Bộ Lĩnh – người đã có công xây dựng kinh đô Hoa Lư, lập nên nhà nước Đại Cồ Việt – nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt Nam mà còn góp phần khẳng định truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc. Lễ hội diễn ra với nhiều hoạt động, phần lễ được thực hiện chuẩn mực, bảo đảm linh thiêng và trang nghiêm. Lễ mở cửa đền: Tiến hành trước ngày hội để xin phép tổ chức. Lễ rước nước: Nghi thức rước nước thiêng từ bến Trường Yên trên sông Hoàng Long về đền, biểu tượng cho sự cầu mong mưa thuận gió hoà. Lễ mộc dục: Lễ tắm tượng thần/vua được thực hiện vào nửa đêm. Lễ rước kiệu và dâng hương: Đoàn rước rục rờ từ đền vua Đinh sang đền vua Lê và ngược lại, thể hiện sự kết nối giữa các bậc tiên đế. Phần hội có nhiều hoạt động truyền thống và hiện đại, kết hợp hài hoà giữa bảo tồn và sáng tạo, thu hút đông đảo nhân dân và du khách thập phương. Diễn tích cờ lau tập trận: Tái hiện cảnh Đinh Bộ Lĩnh lúc nhỏ tập trận cờ lau là hoạt động đặc sắc nhất. Trò chơi dân gian: Thi chèo thuyền khéo, cờ người, chọi gà... Hoạt động văn nghệ: Hát chèo, hát xẩm, hội trại, triển lãm, thi mâm ngũ quả,...

Lễ hội Hoa Lư được công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia năm 2014.



Hình 6.3. Một số hình ảnh trong lễ hội Cố đô Hoa Lư

Em có biết?

Lễ hội Hoa Lư được tổ chức từ ngày 9 đến ngày 11 tháng Ba âm lịch hằng năm. Buổi khai mạc Lễ hội được tổ chức vào tối mùng 9 tháng Ba âm lịch tại khu Di tích quốc gia đặc biệt là Cố đô Hoa Lư cùng không gian Di sản thế giới Tràng An, tại xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là phường Tây Hoa Lư, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình).

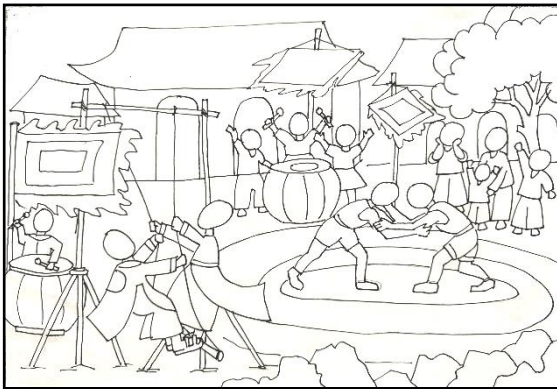
Em cần nhớ:

- Lễ hội là nơi lưu giữ giá trị văn hoá, bản sắc truyền thống của quê hương, làng, xã,...
- Lễ hội thường diễn ra ở những không gian sinh hoạt cộng đồng và thực hành tín ngưỡng như: đình, đền, chùa, miếu,...
- Lễ hội thường có màu sắc rực rỡ thể hiện không khí vui tươi, rộn ràng,...
- Vẽ tranh về chủ đề lễ hội cũng là một cách lưu giữ truyền thống văn hoá của quê hương nói riêng và của đất nước nói chung.

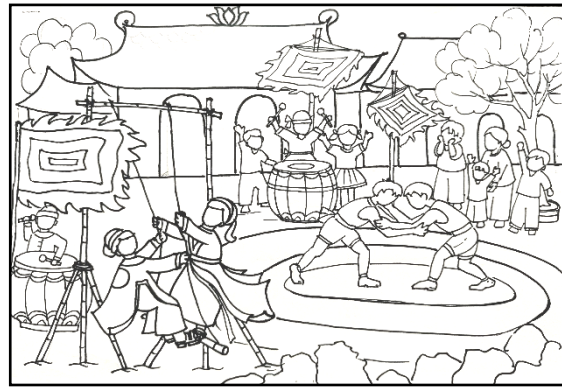
C. LUYỆN TẬP

1. Cách phác thảo bố cục và sử dụng màu sắc trong tranh đề tài lễ hội

- Phác thảo bố cục về hoạt động của ngày lễ hội:
- + Lựa chọn nội dung, hình ảnh và các hoạt động trong ngày lễ hội (các nghi lễ truyền thống, hoạt động múa hát, trò chơi dân gian như: đua thuyền, chơi trâu, chơi gà, đấu vật,...).
- + Phác các mảng hình chính, phụ trong tranh.
- Vẽ hình chi tiết, chú ý tư thế hoạt động của nhân vật, đặc điểm trang phục, bối cảnh không gian nơi tổ chức lễ hội.
- Vẽ màu sắc tươi sáng, rực rỡ để thể hiện không khí vui tươi của lễ hội trong bức tranh.



Bước 1. Tìm bố cục, vẽ phác thảo



Bước 2. Tiếp tục hoàn thiện tranh



Bước 3. Vẽ màu và diễn tả



Bước 4. Vẽ chi tiết và hoàn thiện

2. Thực hành sản phẩm mỹ thuật

Em hãy vẽ hoặc tạo hình một sản phẩm mỹ thuật về chủ đề: Lễ hội truyền thống ở Ninh Bình bằng chất liệu tùy chọn.

(Lựa chọn hình ảnh đặc trưng của lễ hội để vẽ như: nghi lễ truyền thống, các trò chơi trong lễ hội, người tham gia và người cổ vũ, cờ, trống, chiêng,... thể hiện được đặc trưng của không khí lễ hội.)

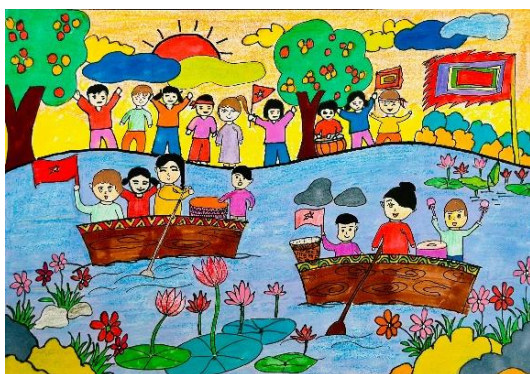
3. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ



Cầu ngói Hải Hậu
(Giáo viên Doãn Ngọc Báu – Trường THCS Lý Tự Trọng, phường Trường Thi)



Lễ hội quê em – Kù Kao Khải –
Bột màu – 60 x 80cm



Bài vẽ tranh đề tài Lễ hội của học sinh



- Nêu cảm nhận của em về một số sản phẩm mỹ thuật chủ đề lễ hội?
- Nêu hiểu biết của em về một số lễ hội truyền thống ở Ninh Bình?
- Theo em, việc tổ chức lễ hội truyền thống góp phần như thế nào vào việc phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình?
- Em cần làm gì để thể hiện trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bảo tồn lễ hội truyền thống của tỉnh Ninh Bình?

D. VẬN DỤNG

- Vận dụng kiến thức đã học để sáng tạo sản phẩm mỹ thuật có sử dụng hình ảnh Lễ hội gắn với thực tiễn (ví dụ: tranh tuyên truyền Lễ hội, bìa poster, quà lưu niệm, trang trí lớp, góc học tập,...).

Chủ đề 7

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được một số thực trạng về môi trường và tài nguyên như đất, nước, không khí, sinh vật, khoáng sản,... ở tỉnh Ninh Bình.
- Nêu được một số tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên tỉnh Ninh Bình.
- Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lí tài nguyên.

A. MỞ ĐẦU

Nếu một ngày em được đi du lịch khắp Ninh Bình, buổi sáng em có thể khám phá rừng nguyên sinh ở Vườn quốc gia Cúc Phương, trưa đi qua cánh đồng lúa xanh mướt, và chiều đã có thể ngắm biển ở Hải Thịnh.



**Hình 7.1. Vườn quốc gia Cúc Phương
(xã Cúc Phương)**



Hình 7.2. Bờ biển thuộc xã Giao Ninh

Một tỉnh không lớn nhưng lại có đủ rừng, đồng bằng và biển – điều này có gì đặc biệt? Vì sao Ninh Bình lại có sự đa dạng đó? Các khu vực này có mối liên hệ như thế nào và ảnh hưởng ra sao đến tài nguyên, môi trường và đời sống con người?

Em hãy kể tên 3 địa danh ở vùng núi và 3 địa danh ở vùng biển của tỉnh Ninh Bình mới mà em muốn đến khám phá nhất

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Một số dạng tài nguyên và thực trạng môi trường tỉnh Ninh Bình

1.1. Tài nguyên khoáng sản

Vùng núi đá vôi phía tây của tỉnh (bao gồm dải Kim Bảng – Thanh Liêm – Tam Điệp) là một hệ thống Karst nguyên khối và liên tục, có quy mô lớn bậc nhất miền Bắc. Khu vực này không chỉ có trữ lượng đá vôi dồi dào, chất lượng cao mà còn phân bố tập trung, thuận lợi cho khai thác và chế biến công nghiệp. Nhờ đó, nơi đây có tiềm năng trở thành trung tâm công nghiệp vật liệu xây dựng quy mô lớn của miền Bắc, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất xi măng, vôi công nghiệp và các sản phẩm từ đá. Ngoài ra, một số khu vực còn có đất sét, đá xây dựng và khoáng sản làm vật liệu san lấp.

Khoáng sản đã góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp, tạo việc làm và tăng nguồn thu ngân sách địa phương. Tuy nhiên, hoạt động khai thác và chế biến cũng làm phát sinh bụi, tiếng ồn, rung chấn, nguy cơ sạt lở và ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên. Một số khu vực khai thác chưa hoàn nguyên kịp thời, gây tác động tiêu cực đến môi trường và đời sống người dân.



Hình 7.3. Ô nhiễm không khí khu vực sản xuất xi măng

Hoạt động khai thác khoáng sản có thể gây ra những tác động nào đến môi trường?

1.2. Tài nguyên đất

Khu vực đồng bằng trung tâm (Yên Khánh, Ý Yên, Phủ Lý,...) có đất phù sa màu mỡ do hệ thống sông Đáy, sông Nhuệ bồi đắp, thuận lợi cho trồng lúa, hoa màu và phát triển nông nghiệp hàng hoá.

Vì sao đất phù sa ở đồng bằng lại thuận lợi cho trồng lúa?

Vùng ven biển Kim Sơn – Hải Hậu có đất bãi bồi, thích hợp cho nuôi trồng thủy sản và phát triển kinh tế biển. Tuy nhiên, khu vực này đang chịu tác động của xâm nhập mặn, nước biển dâng và triều cường.

Bên cạnh đó, việc sử dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật kéo dài có thể làm suy giảm độ phì nhiêu của đất, gây thoái hoá và ô nhiễm đất nông nghiệp nếu không được quản lý hợp lý.



Hình 7.4. Đất canh tác là một tài nguyên quan trọng của Ninh Bình

1.3. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của tỉnh Ninh Bình giữ vai trò huyết mạch trong đời sống và phát triển kinh tế – xã hội. Hệ thống sông lớn như sông Đáy và sông Nhuệ cùng mạng lưới ao, hồ, đầm phá ven biển đã và đang cung cấp nguồn nước quan trọng cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và công nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống sông Hồng đổ ra biển qua các cửa Ba Lạt, Lạch Giang đóng vai trò quyết định trong việc mở rộng bãi bồi ven biển và kiến tạo môi trường sống cho khu Ramsar Xuân Thủy...

Các vùng bãi bồi Kim Sơn – Hải Hậu không chỉ mở rộng diện tích đất canh tác và nuôi trồng mà còn góp phần điều hoà dòng chảy, giảm thiểu tác động của triều cường và bảo vệ khu vực ven biển. Nguồn nước vì thế trở thành nền tảng cho sinh kế của người dân từ đồng bằng đến biển cả.

Tuy nhiên, tài nguyên nước đang chịu nhiều áp lực. Ở một số khu vực, nước sông có dấu hiệu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, hoạt động làng nghề và sản xuất công nghiệp. Tại vùng ven biển, hiện tượng xâm nhập mặn và nước biển dâng do biến đổi khí hậu làm suy giảm chất lượng nguồn nước ngọt, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân.

Nguyên nhân nào làm cho nguồn nước bị ô nhiễm?

1.4. Tài nguyên sinh vật

Ninh Bình sở hữu nguồn tài nguyên sinh vật phong phú, trải dài từ rừng trên cạn đến đất ngập nước và hệ sinh thái ven biển.

Ở khu vực núi đá vôi phía tây, Vườn quốc gia Cúc Phương là một khu vực dự trữ sinh học rừng mưa nhiệt đới, trung tâm đa dạng sinh học quan trọng của miền Bắc. Hệ rừng nguyên sinh nơi đây lưu giữ hàng nghìn loài thực vật, côn trùng, chim thú và nhiều loài nguy cấp, quý hiếm. Đây không chỉ là “ngân hàng gen” tự nhiên mà còn đóng vai trò điều hoà khí hậu, giữ nước và bảo vệ hệ sinh thái vùng hạ lưu.

Xuôi xuống vùng đất ngập nước nội địa, Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long là khu bảo tồn đất ngập nước lớn nhất đồng bằng Bắc Bộ. Đây là nơi sinh sống của quần thể voọc mông trắng (*Trachypithecus delacouri*) – một trong những loài linh trưởng đặc hữu và nguy cấp toàn cầu. Hệ thống đầm lầy, núi đá vôi và thảm thực vật thủy sinh tại Vân Long tạo nên môi trường sống đa dạng cho nhiều loài chim, cá và bò sát.



Hình 7.5. Voọc mông trắng – Một loài linh trưởng đặc hữu của Ninh Bình

Em có biết?

Voọc quần đùi trắng (voọc mông trắng) là loài linh trưởng đặc hữu, cực kì nguy cấp, hiện được bảo tồn tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long (Ninh Bình) – nơi có quần thể voọc mông trắng lớn nhất thế giới, góp phần khẳng định giá trị đa dạng sinh học đặc biệt của tỉnh. Tỉnh Ninh Bình hiện đang hoàn thiện hồ sơ khoa học “Cảnh quan văn hoá – sinh thái, Voọc mông trắng Vân Long – Kim Bảng – Tam Chúc” để nghị UNESCO công nhận là Di sản thế giới.

Ở vùng ven biển, Vườn quốc gia Xuân Thủy là khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam, có hệ sinh thái rừng ngập mặn, bãi bồi và cửa sông đặc trưng. Cùng với các vùng bãi bồi Kim Sơn – Hải Hậu, nơi đây trở thành điểm dừng chân quan trọng của nhiều loài chim di cư quốc tế mỗi mùa đông. Rừng ngập mặn còn có vai trò chắn sóng, chống xói lở và bảo vệ cộng đồng ven biển.

Tuy nhiên, tài nguyên sinh vật của tỉnh đang đối mặt với nhiều thách thức: thu hẹp sinh cảnh do phát triển kinh tế, săn bắt trái phép, ô nhiễm nguồn nước và tác động của biến đổi khí hậu như nước biển dâng, xâm nhập mặn.

Vì vậy, bảo tồn đa dạng sinh học không chỉ là nhiệm vụ của các khu bảo tồn, mà là trách nhiệm chung của toàn xã hội nhằm giữ gìn “ngôi nhà sinh thái” từ rừng đến biển cho các thế hệ tương lai.

2. Tác động của biến đổi khí hậu

Tại khu vực ven biển, hiện tượng nước biển dâng làm nước mặn lấn sâu vào nội đồng. Khi mực nước biển nhích cao, nước mặn lấn sâu vào nội đồng qua hệ thống sông, kênh mương và ruộng lúa, khiến cây trồng khó sinh trưởng, năng suất giảm sút, thậm chí gây mất mùa hàng loạt. Xâm nhập mặn không chỉ đe dọa an ninh lương thực mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước ngọt phục vụ sinh hoạt. Việc phải xử lý nước nhiễm mặn hoặc tìm kiếm nguồn nước thay thế gây tốn kém và khó khăn lớn cho đời sống hằng ngày của người dân địa phương.

Hiện tượng nóng lên toàn cầu khiến những đợt nắng nóng trở nên gay gắt hơn, làm bốc hơi nhanh nguồn nước từ hệ thống sông, gây ra tình trạng thiếu nguồn nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất của người dân cũng như tình trạng xâm nhập mặn thêm trầm trọng. Nếu nước bị nhiễm mặn, người dân phải xử lý hoặc tìm nguồn nước khác, gây tốn kém và khó khăn trong đời sống hằng ngày. Như vậy, xâm nhập mặn không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp mà còn tác động trực tiếp đến sinh hoạt và an ninh lương thực của địa phương.

Xâm nhập mặn ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất lúa ở vùng ven biển?

Quy luật bão và áp thấp nhiệt đới từ Biển Đông cũng trở nên thất thường và mạnh hơn. Khi bão đổ bộ kết hợp với mưa lớn kéo dài, nước sông dâng cao, nhiều khu vực trũng (Nho Quan, Gia Viễn, Phủ Lý) dễ xảy ra ngập lụt.



Hình 7.6. Cứu trợ người dân vùng lụt tại Ninh Bình

Đặc biệt, nếu mưa lớn trùng với thời điểm triều cường, nước thoát chậm hơn, khiến tình trạng ngập kéo dài. Điều này gây thiệt hại về nhà cửa, hoa màu, cơ sở hạ tầng và ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt của người dân.

Những tác động trên cho thấy biến đổi khí hậu đang làm gia tăng rủi ro thiên tai. Vì vậy, việc chủ động phòng tránh và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường là rất cần thiết để giảm thiểu thiệt hại trong tương lai.

3. Giải pháp bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên

Để bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, Ninh Bình cần có những giải pháp lâu dài, đồng thời mỗi người dân – đặc biệt là học sinh – cũng cần có những hành động cụ thể hằng ngày.

3.1. Giải pháp

Trước tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản và sản xuất xi măng, tỉnh Ninh Bình cần phát triển công nghiệp theo hướng “xanh”, kiểm soát chặt chẽ khí thải, nước thải và hạn chế công nghệ lạc hậu. Nhà nước quản lý, doanh nghiệp thực hiện. Mỗi bạn có thể góp phần bằng những việc đơn giản như không xả rác, nhắc người thân giữ gìn môi trường và ưu tiên sử dụng đồ dùng thân thiện.

Việc khai thác khoáng sản chưa hợp lý gây sạt lở và suy giảm cảnh quan, vì vậy cần giảm khai thác thô và phục hồi môi trường sau khai thác. Chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng cùng thực hiện. Các em có thể tham gia trồng cây, chăm sóc cây xanh và lan toả ý thức bảo vệ thiên nhiên.

Để sử dụng tài nguyên bền vững, cần phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn tại Tràng An, Vân Long và vùng ven biển. Nhà nước định hướng, doanh nghiệp tổ chức, cộng đồng tham gia. Khi đi tham quan, mỗi người chỉ cần không xả rác, không bẻ cây và giữ gìn cảnh quan.

Trước tác động của biến đổi khí hậu, việc trồng và bảo vệ rừng ngập mặn ở Kim Sơn – Hải Hậu là rất quan trọng. Chính quyền và cộng đồng địa phương giữ vai trò chính. Các bạn có thể tham gia trồng cây, tìm hiểu về rừng ngập mặn và cùng lan toả thông điệp bảo vệ môi trường.



Hình 7.7. Dự án trồng rừng ngập mặn tại Ninh Bình

3.2. Hành động cụ thể

Bảo vệ môi trường không phải là điều quá lớn lao. Học sinh có thể bắt đầu bảo vệ môi trường từ những việc rất gần gũi:

- Phân loại rác tại nguồn: tách rác hữu cơ, rác tái chế và rác khó phân huỷ.
- Thực hiện mô hình 3R (Reduce – Reuse – Recycle):
 - + *Reduce* (Giảm): giảm sử dụng túi nilông, chai nhựa dùng một lần.
 - + *Reuse* (Tái sử dụng): dùng lại sách vở, đồ dùng còn tốt.
 - + *Recycle* (Tái chế): thu gom giấy vụn, chai nhựa để tái chế.
- Giữ gìn vệ sinh trường lớp, không xả rác bừa bãi khi đi tham quan, du lịch.
- Tham gia các hoạt động trồng cây, dọn vệ sinh môi trường ở địa phương.

Khi mỗi người cùng thay đổi từ những việc nhỏ, môi trường sống sẽ dần được cải thiện. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên chính là bảo vệ tương lai của chính chúng ta.



Hình 7.8. Học sinh tham gia trồng và bảo vệ cây xanh

Em có thể thực hiện những hành động nào ngay hôm nay để bảo vệ môi trường?

C. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy điền đúng tên vấn đề môi trường vào chỗ trống: (Ô nhiễm không khí, xâm nhập mặn, ngập lụt, ô nhiễm nguồn nước, suy giảm đa dạng sinh học).

– Tại Kim Sơn và Giao Thủy, hiện tượng ...(1)... làm giảm năng suất lúa và ảnh hưởng đến nước sinh hoạt.

– Ở một số vùng trũng thấp, ven sông tại Gia Viễn, Phú Lý và các khu vực thấp khác, khi mưa lớn dễ xảy ra tình trạng ...(2)...

– Một số khu vực sản xuất xi măng ở dải Kim Bảng – Thanh Liêm – Tam Điệp có nguy cơ ...(3)... do bụi và khí thải công nghiệp.

– Sông Đáy và sông Nhuệ tại một số đoạn bị ảnh hưởng bởi nước thải sinh hoạt và công nghiệp, gây ra hiện tượng ...(4)...

– Tình trạng săn bắt trái phép và thu hẹp sinh cảnh tại Vân Long có thể dẫn đến ...(5)...

Câu 2. Khoanh vào chữ cái trước đáp án đúng.

a. Khu vực có nguy cơ ngập lụt cao khi mưa lớn kết hợp triều cường là

- A. vùng núi đá vôi.
- B. vùng biển.
- C. vùng trũng đồng bằng.
- D. rừng nguyên sinh.

- b. Hoạt động nào sau đây có thể làm suy giảm chất lượng không khí?
- A. Trồng rừng.
 - B. Phân loại rác.
 - C. Khai thác và sản xuất xi măng.
 - D. Du lịch sinh thái.
- c. Biện pháp nào sau đây góp phần sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường?
- A. Khai thác khoáng sản tối đa để tăng lợi nhuận trước mắt.
 - B. Xả nước thải chưa xử lí ra sông.
 - C. Phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn thiên nhiên.
 - D. Sử dụng nhiều túi nilông khi đi du lịch.

D. VẬN DỤNG

Em hãy thiết kế một nhãn dán (sticker) để tuyên truyền về việc bảo vệ môi trường tại một địa điểm cụ thể ở Ninh Bình (ví dụ: Rừng quốc gia Cúc Phương, Vân Long, biển Kim Sơn – Hải Hậu, trường học hoặc nơi em sinh sống).

Yêu cầu sản phẩm:

- Có hình vẽ hoặc biểu tượng đơn giản, dễ hiểu (có thể vẽ tay hoặc thiết kế trên giấy).
- Có một câu khẩu hiệu (slogan) ngắn gọn, dễ nhớ, kêu gọi mọi người cùng hành động.
- Thể hiện đúng vấn đề môi trường của địa điểm em chọn (ví dụ: không xả rác, bảo vệ rừng, tiết kiệm nước,...).
- Sản phẩm cần rõ ràng, sáng tạo và thể hiện tinh thần chung tay bảo vệ “ngôi nhà từ rừng đến biển” của tỉnh Ninh Bình.

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Chữ cái	Thuật ngữ	Giải thích
B	Biến đổi khí hậu	Sự thay đổi lâu dài của khí hậu Trái Đất, chủ yếu là do tác động của con người, gây ra những thay đổi về nhiệt độ và thời tiết.
	Biểu	Thể văn nghị luận chính luận thời quân chủ, dùng để trình bày ý kiến, nguyện vọng hoặc bày tỏ tình cảm của thần dân đối với nhà vua.
C	Cha truyền con nối	Kế thừa và phát huy.
	Chất lượng cuộc sống dân cư	Thước đo quan trọng về phúc lợi vật chất và giá trị tinh thần của người dân.
	Chiếu khuyến nông	Văn bản hành chính chính thức của vua ban ra nhằm khuyến khích, hỗ trợ nhân dân phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp.
	Công nghiệp xanh	Ngành công nghiệp sử dụng công nghệ sạch, ít gây ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
	Chữ Hán	Hệ thống chữ viết có nguồn gốc từ Trung Quốc, từng được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam trong thời kì trung đại để ghi chép các văn bản hành chính, học thuật và văn học.
	Chiếu	Một thể loại văn nghị luận chính luận trong văn học trung đại, do vua ban bố để truyền đạt mệnh lệnh, chủ trương, chính sách hoặc những quyết định quan trọng đến thần dân và toàn quốc.
D	Dân tộc thiểu số	Dân tộc chiếm số ít, so với dân tộc chiếm số đông nhất trong một nước có nhiều dân tộc.
	Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại	Các tập quán, biểu đạt, tri thức, kỹ năng, cùng các không gian, đồ vật liên quan, được cộng đồng công nhận là di sản văn hoá của mình.
Đ	Đa dạng sinh học	Sự phong phú về loài, giống, và hệ sinh thái, giúp duy trì sự cân bằng và ổn định của môi trường tự nhiên.
	Đoàn kết	Sự tập hợp, kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung.
	Đại đoàn kết	Đoàn kết rộng rãi (nhân mạnh tới thành phần, quy mô, lực lượng của khối đoàn kết).
	Địa linh nhân kiệt	Vùng đất có điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hoá

Chữ cái	Thuật ngữ	Giải thích
		tốt đẹp, nơi sinh ra hoặc nuôi dưỡng nhiều người tài năng, xuất chúng cho xã hội và đất nước.
H	Hát văn	Một loại hình nghệ thuật ca hát cổ truyền của Việt Nam.
	Hệ thống karst	Dạng địa hình gồm những dãy núi đá vôi bị nước ăn mòn qua hàng triệu năm, tạo nên các hang động kì ảo dưới lòng đất và những ngọn núi nhấp nhô, sắc nhọn trên mặt đất.
K	Khu Ramsar	Vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, được công nhận theo Công ước Ramsar nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt là nơi cư trú của các loài chim nước.
L	Loài đặc hữu	Những sinh vật (động vật, thực vật) chỉ tồn tại, sinh trưởng và phát triển tự nhiên trong một khu vực địa lí giới hạn duy nhất, không tìm thấy ở bất kì nơi nào khác trên thế giới.
M	Mẫu Tam phủ	Một tín ngưỡng dân gian của Việt Nam, tôn thờ các vị nữ thần cai quản 3 miền tự nhiên: Trời, Rừng, Nước.
N	Nguồn lao động	Một bộ phận dân số trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật, có khả năng lao động và có nghĩa vụ lao động.
P	Phú	Thể văn cổ kết hợp văn xuôi với văn vần, dùng để miêu tả, tự sự hoặc nghị luận, thường có lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu và tính biểu cảm.
S	Sử dụng lao động	Mối quan hệ giữa hai bên quy định việc cung cấp các dịch vụ lao động có trả tiền công, thường dựa trên hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động trả tiền cho người lao động.
T	Tài nguyên thiên nhiên	Những yếu tố tự nhiên có sẵn như đất, nước, khoáng sản mà con người khai thác để phục vụ nhu cầu sống và phát triển kinh tế.
	Thám hoa	Học vị cao thứ ba (sau Trạng nguyên và Bảng nhãn) trong kì thi Đình thời quân chủ.
	Thất nghiệp	Tình trạng người lao động muốn có việc làm mà không tìm được việc làm.
	Trung đại	Thời kì lịch sử và văn hoá gắn với xã hội phong kiến, nằm giữa thời cổ đại và thời cận đại; ở Việt Nam, thời kì này kéo dài khoảng từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX.
	Thơ thiền	Loại thơ mang tư tưởng Thiền tông Phật giáo,

Chữ cái	Thuật ngữ	Giải thích
		thể hiện những chiêm nghiệm về cuộc sống, con người và vũ trụ, hướng đến sự giác ngộ và thanh thản trong tâm hồn.
	Thơ Nôm	Loại thơ được sáng tác bằng chữ Nôm, sử dụng tiếng Việt để thể hiện tư tưởng, tình cảm và đời sống của người Việt, mang đậm bản sắc dân tộc.
	Thơ trào phúng	Loại thơ dùng tiếng cười mỉa mai, châm biếm để phê phán những thói xấu và hiện tượng tiêu cực trong xã hội.
U	Ưu thời mẫn thế	Tấm lòng lo lắng cho thời cuộc, cho vận mệnh đất nước và cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của nhân dân.
V	Việc làm	Hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật cho phép.
	Văn hiến	Những giá trị văn hoá, đạo đức, học thuật và truyền thống tốt đẹp được tích lũy, lưu truyền lâu đời của một dân tộc.
	Văn luận thuyết (văn nghị luận)	Loại văn sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để trình bày, phân tích, bàn luận một vấn đề nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.
	Văn bia	Loại văn được khắc trên bia đá nhằm ghi chép và lưu truyền những sự kiện, công trạng hoặc giá trị lịch sử, văn hoá cho các thế hệ sau.
X	Xâm nhập mặn	Hiện tượng nước mặn từ biển tràn vào đất liền, làm suy giảm chất lượng nước ngọt và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

DANH MỤC TỪ TRẠ CỬU

C

Chiếu khuyến nông, 7

T

Thám hoa, 8

B

Biểu

C

Chữ Hán

Chiếu

Đ

Địa linh nhân kiệt

P

Phú

T

Trung đại

Thơ thiên

Thơ Nôm

Thơ Trào phúng

U

Ưu thời mẫn thế

V

Văn bia

Văn hiến

Văn luận thuyết

BẢN QUYỀN HÌNH ẢNH

Chủ đề 1: Ninh Bình từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX

Hình 1.1. Đèn thờ Nguyễn Công Trứ (xã Quang Thiện), Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.2. Từ đường Nguyễn Khuyến (xã Bình An), Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.3. Chợ Ròng đầu thế kỉ XX (phường Nam Định), Copyright © Tài liệu Giáo dục địa phương lớp 8 tỉnh Nam Định; Hình 1.4. Đình làng Vân Chàng (xã Nam Trực), Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.5. Dệt lụa ở Nha Xá (phường Duy Tân), Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.6. Đèn Quán Cháo (phường Tam Điệp), Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.7. Đình Vị Hạ (xã Bình An), Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.8. Nhà thờ Ninh Tôn (xã Yên Mạc), Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.9. Lễ hội Phủ Dầy (xã Vụ Bản), Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.10. Khán đá được tạo tác năm 1692 ở chùa Diêu (xã Bình Giang), Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.11. Hệ thống núi đá ở Tam Điệp, Copyright © Đoàn Thanh Huyền; Hình 1.12. Cổng làng đá mỹ nghệ Ninh Vân (phường Nam Hoa Lu), Copyright © Dương Thị Phương; Hình 1.13. Chạm khắc gỗ La Xuyên (xã Trung Nghĩa), Copyright © Dương Thị Phương; Hình 1.14. Bia Sùng Khánh ở chùa Đồng Vũ (xã Bắc Lý), Copyright © Tài liệu Giáo dục địa phương lớp 8 tỉnh Hà Nam; Hình 1.15. Chân dung Vũ Phạm Khải (1807 – 1872) Copyright © Tranh do họa sĩ Nguyễn Vĩnh Ngô vẽ trên lụa, Dương Thị Phương cung cấp; Hình 1.16. Cổng thành Nam Định năm 1884, Copyright © Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình.

Chủ đề 2: Dân cư tỉnh Ninh Bình

Hình 2.1 – Hình 2.5 © Tác giả cung cấp; Hình 2.6 – Hình 2.13 © Báo điện tử Ninh Bình <https://baoninhbinh.org.vn>

Chủ đề 3: Văn học trung đại Ninh Bình

Hình 3.1. Copyright © vtnews.vn; Hình 3.2. Copyright © danviet.vn; Hình 3.3. Copyright © cand.com.vn; Hình 3.4: Copyright © phunutoday.vn; Hình 3.5: Copyright © vtnews.vn; Hình 3.6: Copyright © Sở Văn hoá thông tin tỉnh Ninh Bình

Chủ đề 4: Đoàn kết dân tộc trên quê hương Ninh Bình

Hình 4.1. Copyright © <https://baotanglichsu.Vn/vi/Atides/1002/28520/su-ra-doi-buc-anh-bac-bat-nhip-bai-ca-ket-doan.html>; Hình 4.2. Copyright © Mai Lan – Trường Giang, baoninhbinh.org.vn ngày 12/10/2021; Hình 4.3. Copyright © <https://cand.com.vn/phong-su-tai-lieu/ky-uc-ve-tran-dau-ban-roi-4-may-bay-My-cua-nguoi-cuu-chien-binh-Xo-Viet>; Hình 4.4. Copyright © Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Duy Tiên; Hình 4.5. Copyright © [https://congan.ninhbinh.gov.vn/public/userfiles/2026/8%20\(14\).jpg](https://congan.ninhbinh.gov.vn/public/userfiles/2026/8%20(14).jpg); Hình 4.6. Copyright © https://cdncongthuong.quangtrung.vn/static_files/lehuy/images/2025/12/28/61-ef67.jpg; Hình 4.7. Copyright © Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam phường Duy Tiên; Hình 4.8. Copyright © <https://img.baoninhbinh.org.vn/DATA/ARTICLES/2023/4/14/xay-dung-van-hoa-doc-trong-cong-dong-5dfd3.jpg>

Chủ đề 5: Nghệ thuật hát văn ở Ninh Bình

Hình 5.1. Copyright © <https://vietnam.vnnet.vn>; Hình 5.2. Copyright © <https://baoquangninh.vn>; Hình 5.3. Copyright © <https://dotchuoinon.com>; Hình 5.4. Copyright © <https://dulichninhbinh.com.vn>

Chủ đề 6: Lễ hội truyền thống ở Ninh Bình

Hình 6.1. Copyright © Trang thông tin chùa Phổ Minh; Hình 6.2. Copyright © Kù Kao Khải; Hình 6.3. Copyright © UBND phường Tây Hoa Lư; Hình minh hoạ các bước vẽ tranh đề tài Lễ hội Copyright © Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên tỉnh Ninh Bình

Hình 7.1 – Hình 7.8 Copyright © Báo điện tử Ninh Bình

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông 2018*, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu Giáo dục địa phương các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình cũ*.
3. Tập Nghiên cứu “Thơ núi Non nước đương đại” (In chung), NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2021.
4. Nguyễn Khắc Phi (Tổng Chủ biên), *Ngữ văn 7*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2020.
5. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Nam Định, *Địa chí Nam Định*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
6. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Hà Nam, *Địa chí Hà Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
7. *Tuyển tập văn học Ninh Bình ngàn năm*, NXB Văn học, Hà Nội, 2010.
8. Nguyễn Khuyến, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập IV, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963.

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NINH BÌNH – LỚP 8
